

Số: **6667**/BKHHĐT-KTĐPLT

V/v Thẩm định hồ sơ dự thảo Nghị định của Chính phủ quy định cơ chế phối hợp giữa các tỉnh, thành phố trong vùng Thủ đô để thi hành các quy định của pháp luật về Thủ đô

Hà Nội, ngày **07** tháng 10 năm 2020

Kính gửi: Bộ Tư pháp

Tại Quyết định số 373/QĐ-TTg ngày 05/4/2019, Thủ tướng Chính phủ giao Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành và địa phương có liên quan xây dựng Nghị định của Chính phủ về cơ chế phối hợp giữa các tỉnh, thành phố trong vùng Thủ đô để thi hành các quy định của pháp luật về Thủ đô, trong đó có các chính sách ưu tiên đầu tư cho các công trình hạ tầng kinh tế, xã hội trọng điểm của vùng Thủ đô.

Thực hiện nhiệm vụ được giao, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã chủ trì, phối hợp với các Bộ liên quan và các tỉnh, thành phố trong vùng Thủ đô xây dựng dự thảo Nghị định theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, gồm:

- (1) Tờ trình Bộ Kế hoạch và Đầu tư về dự thảo Nghị định;
- (2) Dự thảo Nghị định của Chính phủ;
- (3) Báo cáo đánh giá tác động chính sách đề xuất tại dự thảo Nghị định;
- (4) Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý; bản chụp ý kiến góp ý của các bộ, cơ quan ngang bộ và các tỉnh, thành phố trong vùng Thủ đô.
- (5) Các tài liệu khác có liên quan.

Căn cứ quy định tại Điều 87 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Điều 40, Điều 41 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Kế hoạch và Đầu tư gửi Bộ Tư pháp Hồ sơ nêu trên để thẩm định theo quy định.

Bộ Kế hoạch và Đầu tư mong nhận được sự hợp tác chặt chẽ của Quý Bộ./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Văn phòng Chính phủ;
- UBND và Sở KHĐT các tỉnh, thành phố: Hà Nội, Hải Dương, Hưng Yên, Vĩnh Phúc, Bắc Ninh, Hà Nam, Thái Nguyên, Phú Thọ, Hòa Bình, Bắc Giang (đề p/h);
- Vụ Pháp chế;
- Lưu VT, Vụ KTĐP&LT.

**KT. BỘ TRƯỞNG**  
**THỨ TRƯỞNG**  
  
**Trần Quốc Phương**



Người ký: Bộ Kế hoạch và Đầu tư  
Email: vanphongbo@mpi.gov.vn  
Cơ quan: Bộ Kế hoạch và Đầu tư  
Thời gian ký: 05.10.2020  
16:27:29 +07:00

**BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **6562**/TTTr-BKHĐT

Hà Nội, ngày **05** tháng **10** năm **2020**

**TỜ TRÌNH**

**Về việc ban hành Nghị định của Chính phủ quy định  
cơ chế phối hợp giữa các tỉnh, thành phố trong vùng Thủ đô để thi hành các  
quy định của pháp luật về Thủ đô**

Kính gửi: Chính phủ

Thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định số 373/QĐ-TTg ngày 05/4/2019, giao Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành và địa phương có liên quan xây dựng Nghị định của Chính phủ về cơ chế phối hợp giữa các tỉnh, thành phố trong vùng Thủ đô để thi hành các quy định của pháp luật về Thủ đô, trong đó có các chính sách ưu tiên đầu tư cho các công trình hạ tầng kinh tế, xã hội trọng điểm của vùng Thủ đô (sau đây gọi là dự thảo Nghị định).

Thực hiện nhiệm vụ được giao, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã phối hợp với các Bộ, ngành và các địa phương trong vùng Thủ đô xây dựng dự thảo Nghị định theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và kính trình Chính phủ như sau:

**I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ ĐỊNH**

Vùng thủ đô Hà Nội là một vùng đô thị được xác định gồm toàn bộ ranh giới của Thủ đô Hà Nội và 09 tỉnh xung quanh<sup>1</sup>, diện tích khoảng 24.314,7 km<sup>2</sup> với mục tiêu phát huy mọi tiềm năng, lợi thế của vùng Thủ đô nhằm phát triển Thủ đô Hà Nội có đủ chức năng và vị thế của một trung tâm đô thị hiện đại trong khu vực Đông Nam Á và Châu Á; giải quyết những bất cập, mâu thuẫn đang tồn tại ảnh hưởng tới quá trình phát triển chung cho cả vùng Thủ đô Hà Nội.

Để Thủ đô Hà Nội và vùng Thủ đô phát triển bền vững, trong thời gian qua Đảng, Nhà nước, Chính phủ đã ban hành nhiều cơ chế, chính sách cho Thủ đô Hà Nội và vùng Thủ đô. Tuy nhiên, trước bối cảnh thách thức của yêu cầu phát triển nhanh và bền vững, của quá trình hội nhập cạnh tranh quốc tế, các thách thức về hạ tầng kỹ thuật, giao thông, đô thị, môi trường, dân số, ... đã và đang ảnh hưởng đến sự phát triển bền vững của vùng Thủ đô. Bên cạnh đó, thời gian vừa qua, việc liên kết giữa các địa phương trong vùng Thủ đô, giữa Thủ đô Hà Nội và các địa phương

<sup>1</sup> Quyết định số 768/QĐ-TTg ngày 06/5/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch xây dựng vùng Thủ đô Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050 xác định vùng Thủ đô gồm thành phố Hà Nội và các tỉnh: Vĩnh Phúc, Bắc Ninh, Hải Dương, Hưng Yên, Hà Nam, Hòa Bình, Phú Thọ, Thái Nguyên, Bắc Giang.

trong vùng nói riêng và giữa vùng Thủ đô với các vùng khác trong cả nước nói chung còn hạn chế như: thiếu cơ quan đầu mối và cơ chế điều phối có hiệu quả, hiệu lực để phối hợp hành động, điều hòa lợi ích, giải quyết các vấn đề chung dẫn đến việc liên kết vùng Thủ đô chưa đem lại hiệu quả tương xứng cho phát triển kinh tế - xã hội của các địa phương thuộc vùng.

Để giải quyết các hạn chế nêu trên, việc ban hành Nghị định về cơ chế phối hợp giữa các tỉnh, thành phố trong vùng Thủ đô nhằm xây dựng quy hoạch, tổ chức thực hiện và xúc tiến đầu tư, huy động nguồn lực triển khai thực hiện các lĩnh vực và nội dung phối hợp, nâng cao sức cạnh tranh để cùng phát triển là cần thiết.

Mặt khác, khoản 1 Điều 23 Luật Thủ đô quy định Chính phủ có trách nhiệm nghiên cứu, xây dựng "*quy định cơ chế phối hợp giữa các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trong Vùng thủ đô để thi hành các quy định của pháp luật về Thủ đô*".

## **II. Kinh nghiệm về cơ chế điều phối, phối hợp vùng ở một số nước trên thế giới và tại Việt Nam**

### **1. Bài học kinh nghiệm của một số nước trên thế giới**

Qua nghiên cứu mô hình điều phối vùng của của một số nước như Cộng hoà liên bang Đức, Phần Lan, Úc, Hoa Kỳ, Nhật Bản và Trung Quốc cho thấy để các hoạt động phối hợp vùng hiệu quả thì cần có các yếu tố cơ bản là mục đích phối hợp rõ ràng, mang tính động lực, cơ quan điều phối có đủ thẩm quyền, hiệu lực, hiệu quả và có nguồn lực tài chính phục vụ các hoạt động phối hợp. Một số bài học rút ra từ kinh nghiệm các nước trên là:

*Một là*, mục đích phối hợp, liên kết vùng tại các quốc gia khá đa dạng, có thể xuất phát từ nhu cầu điều phối và chia sẻ nguồn lực chung cho các hoạt động toàn diện về kinh tế, xã hội, môi trường hoặc cũng có thể xuất phát từ những vấn đề cụ thể như quản lý tài nguyên nước, năng lượng, hay các sản phẩm có thể mạnh, nâng cao năng lực cạnh tranh. Tuy mục đích phối hợp, liên kết có thể khác nhau nhưng phải luôn được xác định rõ ràng ngay từ đầu và gắn với lợi ích thiết thực của các bên tham gia liên kết, phối hợp.

*Hai là*, cần có cơ quan chủ trì điều phối với bộ máy tổ chức, cơ chế điều phối được hình thành với chức năng, nhiệm vụ rõ ràng, có đủ thẩm quyền, hiệu lực, hiệu quả và gắn liền với trách nhiệm cụ thể. Cơ quan điều phối này phải có sự tham gia của các bên, thực hiện theo quy định của pháp luật về vùng nhằm xây dựng "*tiếng nói chung*", gắn kết lợi ích của mỗi bên vào lợi ích của toàn vùng.

*Ba là*, cho phép sự đóng góp và chia sẻ nguồn lực giữa các bên tham gia để thực hiện các hoạt động phối hợp. Cơ chế đóng góp này có thể được hình thành dưới dạng quỹ tài chính liên kết, hoặc được chia sẻ giữa các bên dựa trên thoả thuận đối với từng nhiệm vụ cụ thể. Bên cạnh nguồn vốn ngân sách nhà nước thì nguồn lực tư nhân và xã hội hoá được huy động tối đa thông qua các dự án đầu tư.

*Bốn là*, cần có cơ chế tạo động lực khuyến khích đối với các bên tham gia và một hệ thống cơ sở dữ liệu thông tin chính xác để liên kết hiệu quả và bền vững. Theo đó, cần có sự tham gia tích cực của Chính phủ và chính quyền địa phương - với vai trò chỉ đạo và định hướng liên kết, hoặc vai trò trung gian và giám sát các bên tham gia. Trong đó, sự hỗ trợ về tài chính từ Chính phủ sẽ tạo động lực khuyến khích thực hiện các liên kết.

## **2. Kết quả thực hiện phối hợp liên kết vùng thời gian qua tại Việt Nam**

Trong những năm qua, thực hiện chủ trương phối hợp liên kết vùng của Đảng và Nhà nước, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành một số quy định tạo hành lang pháp lý để các cấp ngành, địa phương thực hiện hoạt động phối hợp liên kết vùng (Quyết định số 941/QĐ-TTg ngày 25/6/2015 về thành lập Tổ chức điều phối phát triển các vùng Kinh tế trọng điểm giai đoạn 2015-2020; Quyết định số 2059/QĐ-TTg ngày 24/11/2015 về Thành lập Ban chỉ đạo, Hội đồng vùng Kinh tế trọng điểm giai đoạn 2015-2020; Quyết định số 2360/QĐ-TTg ngày 22/12/2015 về Quy chế tổ chức hoạt động và phối hợp của Tổ chức điều phối phát triển các vùng Kinh tế trọng điểm giai đoạn 2015-2020). Riêng đối với vùng Đồng bằng sông Cửu Long, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quy chế thí điểm liên kết phát triển kinh tế - xã hội vùng Đồng bằng sông Cửu Long giai đoạn 2016-2020 (Quyết định 593/QĐ-TTg ngày 06/4/2016) và ngày 12/06/2020, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 825/QĐ-TTg về việc thành lập và ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng điều phối vùng Đồng bằng sông Cửu Long giai đoạn 2020-2025.

Trên cơ sở đó, các tỉnh, thành phố thuộc các vùng Kinh tế trọng điểm (KTTĐ) và vùng Đồng bằng sông Cửu Long đã chủ động xây dựng các kế hoạch hoạt động phối hợp như tổ chức các hội thảo, hội nghị xúc tiến đầu tư, thương mại, du lịch, chia sẻ các thông tin dữ liệu về phát triển kinh tế - xã hội. Bước đầu, các địa phương đã xây dựng được các định hướng, một số chương trình, dự án cụ thể để phối hợp kêu gọi đầu tư, triển khai thực hiện, xác định được các sản phẩm chủ lực của vùng để phối hợp tổ chức sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm. Các bộ, ngành đã bước đầu phối hợp với các vùng trong chức năng, nhiệm vụ của mình.

Các cơ chế điều phối vùng nêu trên vẫn chưa đủ mạnh, cơ quan điều phối chưa có chức năng, nhiệm vụ rõ ràng, chưa được giao thẩm quyền cụ thể nên còn nhiều hạn chế như: hoạt động điều phối còn mang tính hình thức, gặp lúng túng trong việc xác định các hoạt động liên kết, điều phối; chưa đồng thuận trong việc xử lý các vấn đề chung; chưa huy động được các nguồn lực tài chính cho các chương trình, dự án liên kết vùng; việc xây dựng cơ sở dữ liệu gặp khó khăn nên chưa hỗ trợ được công tác xây dựng các nhiệm vụ chung như quy hoạch vùng và các quy hoạch có liên quan.

Vừa qua, để giải quyết các bất cập, hạn chế trên, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành quyết định thành lập và ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng điều phối vùng Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) giai đoạn 2020-2025. Tuy nhiên,

Quyết định này chỉ áp dụng ở vùng ĐBSCL, chưa được xem xét áp dụng tại các vùng Kinh tế trọng điểm khác và vùng Thủ đô.

## **II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ ĐỊNH**

### **1. Mục đích**

*Thứ nhất*, tạo cơ sở pháp lý để khai thác tối đa tiềm năng, lợi thế của các tỉnh, thành phố trong vùng Thủ đô và thủ đô Hà Nội, trong đó có việc huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực trong đầu tư, phấn đấu xây dựng vùng Thủ đô trở thành vùng kinh tế phát triển năng động, đổi mới, sáng tạo, chất lượng cao và bền vững.

*Thứ hai*, đáp ứng các yêu cầu phát triển và công tác quản lý nhà nước trong các lĩnh vực, có sự phân công, hợp tác, chia sẻ và liên kết giữa các địa phương trong vùng để tập trung xây dựng đồng bộ và hiện đại hệ thống mạng lưới hạ tầng kỹ thuật, đô thị và hạ tầng xã hội của Vùng; nâng cao hiệu quả quản lý của nhà nước, hiệu quả sử dụng nguồn lực đầu tư phát triển và đời sống người dân trong vùng Thủ đô.

### **2. Quan điểm**

*Một là*, Bảo đảm tuân thủ Hiến pháp năm 2013, Luật Thủ đô và tính hệ thống của pháp luật; phù hợp với Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 06/01/2012, Kết luận số 22-KL/TW ngày 07/11/2017 của Bộ Chính trị về phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thủ đô Hà Nội giai đoạn 2011-2020 và các đường lối, chủ trương khác của Đảng, Bộ Chính trị; phù hợp với các cam kết, điều ước quốc tế mà Việt Nam đã tham gia ký kết.

*Hai là*, Phù hợp với bối cảnh thực tiễn của đất nước, phát triển của từng tỉnh, thành phố trong vùng; phải thúc đẩy phát triển cho các tỉnh lân cận về kinh tế, văn hóa - xã hội; phát triển cân bằng giữa đô thị và nông thôn, bảo đảm quốc phòng - an ninh và phải đặt trong mối quan hệ Thủ đô vì cả nước và cả nước vì Thủ đô phát triển, ngày càng văn minh, hiện đại; đồng thời, bảo đảm phù hợp với khả năng cân đối của nguồn lực của Nhà nước.

*Ba là*, Chỉ quy định một số cơ chế phối hợp phù hợp, thực sự cần thiết đối với yêu cầu phát triển của vùng và Thủ đô Hà Nội thuộc thẩm quyền của Chính phủ. Đẩy mạnh phân cấp, tăng tính tự chủ, tăng trách nhiệm của chính quyền các tỉnh, thành phố trong vùng Thủ đô. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả thực hiện cơ chế phối hợp giữa các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong việc phát triển kinh tế - xã hội của vùng Thủ đô để thực hiện điều phối một số lĩnh vực trọng tâm.

*Bốn là*, Quy định cơ chế phối hợp đảm bảo theo nguyên tắc đồng thuận, bình đẳng, công khai, minh bạch phù hợp với các quy định của pháp luật, không ảnh hưởng lớn đến đời sống nhân dân cũng như môi trường đầu tư, kinh doanh trên địa bàn.

## **III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH**

Thực hiện nhiệm vụ Thủ tướng Chính phủ giao, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã khẩn trương chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành và các tỉnh, thành phố trong vùng

tổ chức xây dựng dự thảo Nghị định theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, cụ thể:

- Thành lập Ban soạn thảo và Tổ biên tập gồm đại diện các Bộ, ngành, cơ quan Trung ương và các tỉnh, thành phố trong vùng Thủ đô để xây dựng dự thảo Nghị định (Quyết định số 670/QĐ-BKHĐT ngày 14/5/2019).

- Xây dựng dự thảo Nghị định gửi xin ý kiến các Bộ, cơ quan ngang Bộ, các tỉnh, thành phố trong vùng và thành viên Ban soạn thảo, Tổ biên tập<sup>2</sup>; tổ chức họp xin ý kiến các thành viên Ban soạn thảo, Tổ biên tập và UBND tỉnh, thành phố trong vùng<sup>3</sup>.

Trên cơ sở tiếp thu ý kiến của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, các tỉnh, thành phố trong vùng và thành viên Ban soạn thảo, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã hoàn chỉnh dự thảo Nghị định.

#### **IV. KẾT CẤU VÀ NỘI DUNG CHÍNH CỦA NGHỊ ĐỊNH**

##### **1. Bộ cục của dự thảo Nghị định**

Dự thảo Nghị định có 05 chương và 25 điều, được kết cấu như sau:

- **Chương I.** Những Quy định chung, gồm 03 điều (từ Điều 1 đến Điều 3).  
- **Chương II.** Nguyên tắc, nội dung và lĩnh vực phối hợp trọng tâm, gồm 02 Mục với 07 điều (từ Điều 4 đến Điều 10).

- **Chương III.** Chính sách ưu tiên đầu tư cho các công trình hạ tầng - kinh tế trọng điểm và tổ chức điều phối vùng Thủ đô, gồm 03 điều (từ Điều 11 đến Điều 13).

- **Chương IV.** Trách nhiệm quản lý nhà nước, gồm 10 điều (từ Điều 14 đến Điều 24).

**Chương V.** Điều khoản thi hành, gồm 01 điều (Điều 25).

##### **2. Nội dung chính của Nghị định**

###### **a) Những quy định chung (Chương I):**

- Quy định cơ chế phối hợp giữa các tỉnh, thành phố trong vùng Thủ đô, trách nhiệm của các Bộ, ngành trong việc phối hợp các quy định của pháp luật về Thủ đô; các cơ chế, chính sách ưu tiên đầu tư các công trình hạ tầng kinh tế - xã hội trọng điểm của vùng Thủ đô (Điều 1). Đối tượng áp dụng là các cơ quan, tổ chức cá nhân có liên quan đến các hoạt động phối hợp trong vùng Thủ đô (Điều 2). Đồng thời, giải thích từ ngữ về “Chương trình, dự án liên kết vùng” do chưa có định nghĩa theo quy định hiện hành (Điều 3).

- Dự thảo Nghị định quy định vùng Thủ đô gồm 10 tỉnh, thành phố theo Quyết định số 768/QĐ-TTg ngày 06/5/2016 của Thủ tướng Chính phủ vì hiện nay

<sup>2</sup> Văn bản số 455/BKHĐT-KTĐPLT ngày 19/11/2019 gửi xin ý kiến 18 Bộ và cơ quan ngang Bộ, 10 tỉnh, thành phố trong vùng.

<sup>3</sup> Tham dự cuộc họp có đại diện các Bộ: Tài chính; Giao thông vận tải; Quốc phòng; Công an; Tư pháp; Xây dựng; Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Công Thương; Giáo dục và Đào tạo; Y tế; Khoa học và Công nghệ; Thông tin và Truyền thông; Lao động – Thương binh và Xã hội; Tài nguyên và Môi trường; Ngoại giao; Nội vụ; Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Ngân hàng Nhà nước và đại diện Sở Kế hoạch và Đầu tư các tỉnh, thành phố trong vùng Thủ đô.

phương án phân vùng kinh tế - xã hội chỉ quy định 06 vùng gồm: Trung du và miền núi phía Bắc, Đồng bằng sông Hồng, Bắc Trung bộ và Duyên hải miền Trung, Tây Nguyên, Đông Nam Bộ và Đồng bằng sông Cửu Long; không quy định các địa phương thuộc vùng Thủ đô nên việc quy định tại Nghị định là cần thiết để các địa phương có căn cứ pháp lý phối hợp, việc quy định cũng không trái với các vùng kinh tế - xã hội mà hỗ trợ cho nhau trong hợp tác phát triển.

***b) Nguyên tắc, nội dung và các lĩnh vực phối hợp trọng tâm (Chương II)***

Quy định các nguyên tắc phối hợp và lĩnh vực trọng tâm phối hợp, cụ thể như sau:

- Về nguyên tắc phối hợp (Điều 4): Tuân thủ quy định của pháp luật về chủ trương phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh của vùng Thủ đô; việc phối hợp đảm bảo theo nguyên tắc đồng thuận, bình đẳng, công khai, minh bạch và thực hiện thông qua các kế hoạch, chương trình, dự án được Hội đồng vùng phê duyệt. Đối với việc chủ trì tổ chức thực hiện công tác phối hợp sẽ được giao cho Bộ, ngành địa phương có chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, quyền hạn liên quan hoặc chịu tác động nhiều nhất đến lĩnh vực, nhiệm vụ cần phối hợp. Những vấn đề không đạt được sự đồng thuận hoặc vượt thẩm quyền quyết định của các Bộ, ngành và địa phương trong Vùng Thủ đô thì Chủ tịch Hội đồng vùng trình cấp thẩm quyền xem xét, quyết định.

- Về lĩnh vực phối hợp (Điều 5): Tập trung vào một số lĩnh vực là trọng tâm phù hợp với trình độ và điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của các tỉnh, thành phố trong vùng, cụ thể: Quản lý quy hoạch xây dựng; Y tế, giáo dục và đào tạo; Khoa học và công nghệ; Quản lý và bảo vệ môi trường, đất đai; Quản lý dân cư và phát triển, quản lý nhà ở; Quản lý hệ thống hạ tầng kỹ thuật; phát triển và quản lý giao thông vận tải.

Bên cạnh đó, đề tạo không gian mới cho tăng trưởng, cải cách kinh tế, ổn định cuộc sống của người dân Thủ đô nói riêng và trong vùng Thủ đô theo hướng tập trung vào lĩnh vực trọng tâm quy định tại Điều 5, dự thảo Nghị định quy định các nội dung phối hợp trọng tâm về (1) Xây dựng và tổ chức thực hiện quy hoạch; (2) Đầu tư phát triển; (3) Đào tạo và sử dụng lao động; (4) Xây dựng các cơ chế, chính sách và (5) Xây dựng cơ sở dữ liệu hệ thống thông tin vùng.

***c) Chính sách ưu tiên đầu tư cho các công trình hạ tầng kinh tế - xã hội trọng điểm (Chương III)***

Khoản 3 Điều 4 Luật Thủ đô quy định “*Nhà nước ưu tiên và có chính sách thu hút các nguồn lực để phát huy tiềm năng, thế mạnh của Thủ đô, Vùng Thủ đô nhằm xây dựng và phát triển bảo vệ Thủ đô*”.

Tại Quyết định số 768/QĐ-TTg ngày 06/5/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh quy hoạch xây dựng vùng Thủ đô Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050 đã đưa ra giải pháp tập trung ưu tiên đầu tư các dự án có vai trò tạo động lực kinh tế - xã hội cho vùng và các tỉnh trong Vùng theo một số

lĩnh vực cụ thể về hạ tầng kỹ thuật, xã hội, thương mại - dịch vụ, nông nghiệp và phát triển nông thôn và ban hành Danh mục các dự án ưu tiên đầu tư trong Quy hoạch xây dựng vùng Thủ đô Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050 để các tỉnh, thành phố trong Vùng và các Bộ, cơ quan liên quan làm cơ sở phối hợp thực hiện.

Do vậy, để đảm bảo ổn định và tính pháp lý cao hơn tạo điều kiện cho các tỉnh, thành phố trong Vùng Thủ đô trong việc ưu tiên đầu tư các dự án trọng điểm để phát triển kinh tế - xã hội của Vùng nhanh, bền vững, Dự thảo Nghị định quy định tập trung ưu tiên đầu tư các dự án, công trình hạ tầng kinh tế - xã hội cho Vùng và các tỉnh trong Vùng vào một số lĩnh vực cụ thể về hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, thương mại - dịch vụ, nông nghiệp - nông thôn (Điều 11).

Theo nghị định số 59/2014/NĐ-CP ngày 16/6/2014 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường đã quy định phạm vi của lĩnh vực xã hội hóa bao gồm: “giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể dục thể thao, môi trường, giám định tư pháp” và căn cứ khả năng ngân sách và nhu cầu khuyến khích xã hội hóa thực hiện đầu tư cơ sở hạ tầng, xây dựng một phần hoặc toàn bộ công trình xã hội hóa hoặc sử dụng quỹ nhà, cơ sở hạ tầng hiện có để cho cơ sở thực hiện xã hội hóa thuê có thời hạn. Trên cơ sở đó, cơ quan soạn thảo kiến nghị tại dự thảo Nghị định cho phép miễn, giảm tiền thuê đất toàn bộ thời gian của các cơ sở thực hiện dự án trọng điểm của Vùng có tính kết nối, lan tỏa thuộc lĩnh vực xã hội hóa đối với lĩnh vực y tế, quản lý và bảo vệ môi trường. Bên cạnh đó, cơ quan soạn thảo đề xuất ưu tiên số cơ chế chính sách huy động nguồn lực đầu tư cho các công trình hạ tầng kinh tế, xã hội trọng điểm của Vùng từ nguồn ngân sách nhà nước, nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức, vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ, đầu tư theo phương thức đối tác công - tư (PPP),... (Điều 12).

Đồng thời, để phù hợp với yêu cầu phát triển của các địa phương trong Vùng trong từng thời kỳ, dự thảo Nghị định quy định giao Thủ tướng Chính phủ quyết định danh mục các công trình, dự án cụ thể trong từng thời kỳ làm cơ sở thực hiện đảm bảo hiệu quả đầu tư. Việc quy định Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục là phù hợp vì tại Quyết định số 768/QĐ-TTg ngày 06/5/2016, Thủ tướng Chính phủ cũng đã ban hành Danh mục này.

Về cơ cấu tổ chức điều phối Vùng Thủ đô, dự thảo Nghị định quy định xây dựng mô hình tương tự Quy chế hoạt động của Hội đồng điều phối Vùng Đồng bằng sông Cửu Long giai đoạn 2020-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ ban hành tại Quyết định số 825/QĐ-TTg ngày 12/6/2020, trong đó có 01 Phó Thủ tướng Chính phủ là Chủ tịch Hội đồng vùng.

Mô hình này có ưu điểm:



- Phù hợp với chủ trương của Đảng, quy định của Hiến pháp và các luật có liên quan; không lập ra cấp quản lý hành chính trung gian, không tạo ra bộ máy tổ chức, biên chế mới, sử dụng bộ máy và công chức hiện có.

- Tiếp tục kế thừa những ưu điểm của 2 mô hình điều phối vùng hiện nay, khắc phục những hạn chế, bất cập của mô hình cũ để xây dựng mô hình điều phối phù hợp hơn hiện nay.

- Chức năng của Hội đồng điều phối vùng rõ ràng hơn, Phó Thủ tướng Chính phủ là Chủ tịch Hội đồng điều phối vùng và Thường trực Hội đồng điều phối xử lý các công việc thường xuyên và có tiếng nói quyết định trong các vấn đề liên vùng.

- Trách nhiệm của từng thành viên trong Hội đồng được quy định rõ ràng hơn về cơ chế phối hợp, triển khai công việc, phối hợp với Văn phòng Hội đồng vùng, các Bộ, ngành, địa phương.

Do đó, nhằm đổi mới cơ chế điều phối vùng, thúc đẩy phát triển bền vững vùng Thủ đô, dự thảo Nghị định quy định về nguyên tắc, thành phần và nhiệm vụ của Hội đồng Vùng và giao Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập và ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng điều phối vùng Thủ đô tại dự thảo Nghị định. Việc giao Thủ tướng Chính phủ thành lập và ban hành Quy chế hoạt động là phù hợp với thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ và các Quyết định số 941/QĐ-TTg ngày 25/6/2015, số 2059/QĐ-TTg ngày 24/11/2015, số 2360/QĐ-TTg ngày 22/12/2015 nêu tại mục II.2 văn bản này.

#### ***d) Trách nhiệm quản lý nhà nước (Chương IV)***

Chương này quy định trách nhiệm quản lý nhà nước của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; trách nhiệm quản lý nhà nước của các Bộ ngành có liên quan và các tỉnh, thành phố trong vùng Thủ đô. Bên cạnh đó, yêu cầu các bộ, cơ quan liên quan và các tỉnh, thành phố trong vùng Thủ đô có trách nhiệm báo cáo định kỳ hàng năm về tình hình và kết quả thực hiện Nghị định cơ chế phối hợp các địa phương vùng Thủ đô, gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ và Hội đồng vùng.

#### ***đ) Điều khoản thi hành (Chương V)***

Chương này quy định về hiệu lực thi hành. Đồng thời, quy định trách nhiệm cụ thể của cơ quan quản lý nhà nước trong tổ chức triển khai thi hành Nghị định này.

### **V. VỀ GIẢI TRÌNH, TIẾP THU Ý KIẾN CỦA CÁC BỘ VÀ ĐỊA PHƯƠNG**

Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã có văn bản số 455/BKHĐT-KTĐPLT ngày 19/11/2019 xin ý kiến góp ý đối với dự thảo Tờ trình Chính phủ và dự thảo Nghị định của các bộ, cơ quan ngang bộ và các tỉnh, thành phố trong Vùng Thủ đô. Đến nay, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã nhận được văn bản ý kiến đóng góp của 17/18 bộ,

cơ quan ngang bộ<sup>4</sup> (riêng Bộ Y tế chưa có ý kiến) và 10 tỉnh, thành phố<sup>5</sup> góp ý về dự thảo Nghị định của Chính phủ về cơ chế phối hợp giữa các tỉnh, thành phố trong Vùng Thủ đô để thi hành các quy định của pháp luật về Thủ đô, Bộ Kế hoạch và Đầu tư tiếp thu, giải trình như sau:

### **1. Các ý kiến góp ý được tiếp thu chỉnh sửa tại Dự thảo Nghị định**

Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã tiếp thu 18 ý kiến của các Bộ và 10 ý kiến của Sở Kế hoạch và Đầu tư các tỉnh, thành phố trong vùng Thủ đô để chỉnh sửa tại 24 Điều dự thảo Nghị định cho phù hợp. Một số nội dung chính đã tiếp thu và bổ sung, chỉnh sửa trong dự thảo Nghị định như:

#### **a) Về lập và tổ chức thực hiện quy hoạch:**

Việc rà soát đảm bảo sự thống nhất giữa quy định về nghĩa vụ phối hợp trong xây dựng và tổ chức thực hiện các quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh, thành phố thuộc vùng Thủ đô và việc giới hạn việc phối hợp chỉ trong một số lĩnh vực nhất định.

#### **b) Về ý kiến của Hội đồng vùng Thủ đô về quy hoạch:**

Làm rõ việc lấy ý kiến tham gia của Hội đồng vùng Thủ đô trước khi trình cấp có thẩm quyền phê duyệt các quy hoạch và đã quy định rõ các loại quy hoạch nào cần lấy ý kiến của Hội đồng vùng. Đồng thời, đã rà soát quy định để đảm bảo sự thống nhất về trình tự lập, thẩm định, phê duyệt các quy hoạch theo đúng quy định của Luật Quy hoạch và các pháp luật chuyên ngành.

#### **c) Về phối hợp trong sử dụng lao động:**

Nghị định đã quy định rõ cách thức phối hợp, cơ quan hướng dẫn, ban hành quy chế phối hợp trong việc sử dụng lao động, hỗ trợ giới thiệu việc làm, hợp tác bố trí lao động.

#### **d) Về chính sách ưu tiên đầu tư các công trình hạ tầng kinh tế, xã hội trọng điểm:**

Các nội dung quy định chính sách ưu tiên đầu tư các công trình hạ tầng kinh tế, xã hội trọng điểm của vùng Thủ đô là những chính sách mới, phát sinh trong quá trình soạn thảo so với nhiệm vụ được giao tại khoản 1 Điều 23 Luật Thủ đô, vì vậy Hồ sơ dự thảo Nghị định đã bổ sung đánh giá tác động của chính sách theo quy định tại khoản 1 Điều 25 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

#### **e) Về trách nhiệm quản lý nhà nước**

Các nhiệm vụ của các Bộ, ngành có liên quan trong dự thảo Nghị định đã được quy định phù hợp, đảm bảo không trùng lặp với các nhiệm vụ, quyền hạn.

### **2. Các ý kiến giải trình**

#### **(i) Về phạm vi điều chỉnh của Nghị định**

<sup>4</sup> Các Bộ: Tài chính; Giao thông vận tải; Khoa học và Công nghệ; Thông tin và truyền thông; Ngoại giao; Giáo dục và đào tạo; Ngân hàng Nhà nước; Lao động – Thương binh và Xã hội; Công an; Quốc phòng; Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Tài nguyên và Môi trường; Tư pháp; Xây dựng; Nội vụ; Công Thương; Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

<sup>5</sup> Các tỉnh, thành phố: Hà Nội, Hải Dương, Hưng Yên, Vĩnh Phúc, Bắc Ninh, Hà Nam, Thái Nguyên, Phú Thọ, Bắc Giang, Hòa Bình.

- Bộ Giao thông vận tải đề nghị bổ sung các tỉnh, thành phố theo phân vùng trên lãnh thổ Việt Nam giai đoạn 2021-2030 làm cơ sở để lập quy hoạch vùng.

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư thấy rằng, hiện việc phân chia lại vùng trên lãnh thổ Việt Nam chưa được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nên đề nghị không bổ sung vào phạm vi điều chỉnh của Nghị định.

*(ii) Về nội dung phối hợp*

- Bộ Khoa học và Công nghệ đề nghị các nội dung phối hợp thì việc chủ trì tổ chức thực hiện công tác phối hợp nên giao cho các địa phương sẽ đảm bảo tính chủ động, linh hoạt và phù hợp với tình hình thực tiễn của các địa phương, các Bộ, ngành liên quan chỉ nên đóng vai trò phối hợp.

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư thấy rằng, theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 11 Luật Tổ chức chính quyền địa phương, những vấn đề liên quan đến phạm vi từ hai đơn vị hành chính cấp tỉnh trở lên thì thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan nhà nước ở trung ương, trừ trường hợp Luật, Nghị quyết của Quốc hội, Pháp lệnh, Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Nghị định của Chính phủ có quy định khác nên đề nghị giữ nguyên như dự thảo Nghị định.

*(iii) Về dự án liên kết vùng*

- Bộ Giao thông vận tải đề nghị chỉ nên quy định các dự án liên kết chỉ áp dụng cho các công trình giao thông địa phương quản lý (như các tuyến tỉnh, các tuyến trục kết nối 2 tỉnh, các công trình cầu,...), không áp dụng cho các công trình do trung ương quản lý (như các tuyến quốc lộ, cao tốc,...).

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư thấy rằng, việc liên kết vùng nhằm làm tăng khả năng kết nối về mặt không gian kinh tế - tự nhiên và kinh tế - xã hội; tăng hiệu quả quản lý vĩ mô và vi mô của các bộ, ngành, địa phương và doanh nghiệp; tạo lợi thế so sánh trong cạnh tranh và động lực phát triển để phát triển kinh tế - xã hội hiệu quả và bền vững nên đề nghị giữ nguyên như dự thảo Nghị định.

*(iv) Về quy định Hội đồng điều phối vùng Thủ đô tại Nghị định*

- Bộ Công An đề nghị cân nhắc việc quy định về Hội đồng vùng Thủ đô tại Nghị định này do việc thành lập Hội đồng vùng có thể được coi là thành lập tổ chức mới, chỉ được xem xét trong trường hợp đặc biệt.

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư thấy rằng, tại Quyết định số 825/QĐ-TTg ngày 12/6/2020, Thủ tướng Chính phủ đã thành lập và ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng điều phối vùng ĐBSCL giai đoạn 2020-2025. Việc thành lập Hội đồng điều phối vùng Thủ đô được xây dựng và thực hiện tương tự Hội đồng điều phối vùng ĐBSCL và theo chế độ kiêm nhiệm, không phát sinh biên chế.

*(Giải trình cụ thể việc tiếp thu ý kiến tại Phụ lục kèm theo)*


## **VI. KIẾN NGHỊ**

Việc ban hành Nghị định sẽ tạo hành lang pháp lý cho các Bộ, ngành và tỉnh, thành phố trong vùng Thủ đô có cơ hội liên kết phát triển, Thủ đô Hà Nội có

thêm cơ sở để thực hiện các nhiệm vụ, mục tiêu đề ra tại Luật Thủ đô. Để tạo điều kiện hoàn thiện cơ chế, chính sách phát triển kinh tế - xã hội của vùng Thủ đô, Bộ Kế hoạch và Đầu tư trình Chính phủ xem xét, ban hành Nghị định như dự thảo kèm theo.

Trên đây là những nội dung xây dựng dự thảo Nghị định của Chính phủ Quy định cơ chế phối hợp giữa các tỉnh, thành phố trong vùng Thủ đô để thi hành các quy định của pháp luật về Thủ đô, Bộ Kế hoạch và Đầu tư xin gửi kèm theo Tờ trình các tài liệu:

- Dự thảo Nghị định;
- Tổng hợp ý kiến tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý về nội dung dự thảo Nghị định của các bộ, ngành, cơ quan liên quan và các tỉnh, thành phố trong Vùng Thủ đô;
- Báo cáo đánh giá tác động của chính sách;
- Các tài liệu khác có liên quan.

Bộ Kế hoạch và Đầu tư kính trình Chính phủ xem xét, quyết định. / 

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Lưu: VT, KTĐPLT.A3



Nguyễn Chí Dũng

**CHÍNH PHỦ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /2020/NĐ-CP

Hà Nội, ngày tháng năm 2020

**DỰ THẢO**

**NGHỊ ĐỊNH**

**Quy định về cơ chế phối hợp giữa các tỉnh, thành phố trong vùng Thủ đô để thi hành các quy định của pháp luật về Thủ đô**

**CHÍNH PHỦ**

*Căn cứ Luật Thủ đô ngày 21 tháng 11 năm 2012;*

*Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ số 76/2015/QH13 và Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017;*

*Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư;*

*Chính phủ ban hành Nghị định quy định về cơ chế phối hợp giữa các tỉnh, thành phố trong vùng Thủ đô để thi hành các quy định của pháp luật về Thủ đô.*

**Chương I**

**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

1. Nghị định này quy định cơ chế phối hợp giữa các tỉnh, thành phố trong vùng Thủ đô, trách nhiệm của các Bộ, ngành và các cơ quan, tổ chức trong việc phối hợp thực hiện các quy định của pháp luật về Thủ đô; trong đó có cơ chế, chính sách ưu tiên đầu tư các công trình hạ tầng kinh tế - xã hội trọng điểm của vùng Thủ đô.

2. Vùng Thủ đô gồm các tỉnh, thành phố: Hà Nội, Hải Dương, Hưng Yên, Vĩnh Phúc, Bắc Ninh, Hà Nam, Hòa Bình, Phú Thọ, Bắc Giang, Thái Nguyên.

3. Chính phủ sẽ điều chỉnh phạm vi vùng Thủ đô trong trường hợp có sự thay đổi về phân vùng.

### **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Nghị định này áp dụng cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến các hoạt động phối hợp để thực hiện các quy định của pháp luật về Thủ đô tại các tỉnh, thành phố trong vùng Thủ đô.

### **Điều 3. Giải thích từ ngữ**

Chương trình, dự án liên kết vùng là các chương trình, dự án nằm trên địa bàn hai tỉnh, thành phố trở lên hoặc nằm trên địa bàn của một tỉnh, thành phố nhưng có tác động đến ít nhất một tỉnh, thành phố khác trong vùng Thủ đô.

## **Chương II**

### **NGUYÊN TẮC, NỘI DUNG VÀ LĨNH VỰC PHỐI HỢP TRỌNG TÂM**

#### **Mục I. Nguyên tắc và lĩnh vực phối hợp trọng tâm**

#### **Điều 4. Nguyên tắc phối hợp**

1. Tuân thủ Hiến pháp, quy định của Luật Thủ đô, các Luật liên quan về cơ chế, chính sách phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh của vùng Thủ đô.

2. Việc phối hợp phải bảo đảm theo nguyên tắc đồng thuận, bình đẳng, công khai, minh bạch phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Thực hiện phối hợp thông qua các kế hoạch, chương trình, dự án được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

4. Việc chủ trì tổ chức thực hiện công tác phối hợp được giao cho Bộ, ngành, địa phương có chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn liên quan hoặc chịu tác động nhiều nhất đến lĩnh vực, nhiệm vụ cần phối hợp.

5. Những vấn đề không đạt được sự đồng thuận hoặc vượt thẩm quyền quyết định của các Bộ, ngành và địa phương trong Vùng Thủ đô thì Chủ tịch Hội đồng vùng Thủ đô quyết định hoặc trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định theo quy định của pháp luật hiện hành.

#### **Điều 5. Lĩnh vực phối hợp trọng tâm**

Lĩnh vực phối hợp là tất cả các lĩnh vực kinh tế - xã hội, trong đó ưu tiên các lĩnh vực trọng tâm sau:

1. Quy hoạch xây dựng.

2. Phát triển y tế, giáo dục và đào tạo.
3. Phát triển khoa học và công nghệ.
4. Quản lý và bảo vệ môi trường.
5. Quản lý đất đai.
6. Quản lý dân cư và phát triển, quản lý nhà ở.
7. Phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật.
8. Phát triển và quản lý hệ thống giao thông vận tải.

## **Mục II. Nội dung phối hợp**

### **Điều 6. Về lập và tổ chức thực hiện quy hoạch**

1. Việc lập và tổ chức thực hiện các quy hoạch vùng, ngành quốc gia, quy hoạch tỉnh và các quy hoạch có liên quan trên địa bàn vùng Thủ đô phải được phối hợp để bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ giữa các quy hoạch, trong đó các lĩnh vực chủ yếu cần phối hợp gồm: Kết nối hệ thống giao thông; hạ tầng thông tin và truyền thông; hệ thống cung cấp nước sạch và sử dụng nguồn nước; xử lý nước thải, chất thải rắn, chất thải nguy hại; khu du lịch; phát triển nguồn nhân lực; phát triển các cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp; cơ sở nghiên cứu khoa học; các bệnh viện và xử lý ô nhiễm môi trường.

2. Phối hợp trong quá trình lập các quy hoạch vùng, ngành quốc gia, quy hoạch tỉnh và các quy hoạch liên quan khác trên địa bàn vùng Thủ đô phải được thực hiện theo pháp luật về quy hoạch và các quy định hiện hành bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ và thứ bậc, trong đó trọng tâm là các nội dung liên quan đến các lĩnh vực nêu tại Điều 5 của Nghị định này.

3. Phối hợp trong quá trình tổ chức thực hiện quy hoạch: Sau khi quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt, các cơ quan, địa phương quản lý quy hoạch có trách nhiệm tổ chức công bố, công khai quy hoạch, triển khai các hoạt động xúc tiến đầu tư nhằm thu hút các nhà đầu tư trong và ngoài nước, các thành phần kinh tế tham gia thực hiện quy hoạch. Các Bộ, ngành, địa phương căn cứ nhiệm vụ được giao tổ chức triển khai thực hiện và có trách nhiệm phối hợp trong việc giám sát, kiểm tra thực hiện quy hoạch.

### **Điều 7. Về đầu tư phát triển**

1. Trên cơ sở quy hoạch vùng, tỉnh, thành phố thuộc vùng Thủ đô được cấp có thẩm quyền phê duyệt, Hội đồng vùng Thủ đô chỉ đạo, phối hợp với các Bộ, ngành và tỉnh, thành phố trong vùng tổ chức Hội nghị xúc tiến đầu tư, huy động nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI), nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA),

vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài và nguồn vốn từ các thành phần kinh tế trong nước để thực hiện các chương trình, dự án đầu tư trong vùng.

2. Các lĩnh vực phối hợp chủ yếu trong đầu tư phát triển gồm: xử lý nước thải, chất thải rắn, chất thải nguy hại; xây dựng hệ thống đường giao thông liên kết vùng, đường cao tốc, cảng hàng không, cảng biển; hạ tầng thông tin và truyền thông; phát triển các khu công nghệ cao, khu công nghiệp, khu chế xuất; khu du lịch quốc gia; xây dựng và phát triển các cơ sở nghiên cứu khoa học, cơ sở đào tạo chất lượng cao; hệ thống cơ sở dữ liệu; phát triển hệ thống các trung tâm y tế chất lượng cao, trung tâm y tế vùng, trung tâm văn hóa, thể thao vùng.

Việc xây dựng các công trình, dự án xử lý ô nhiễm và bảo vệ môi trường phải phù hợp với quy hoạch và lợi ích của người dân các địa phương lân cận và phải đảm bảo sự đồng bộ với triển khai các dự án có liên quan.

3. Đối với các dự án đầu tư liên kết vùng đã có trong quy hoạch ngành quốc gia, quy hoạch vùng thì các Bộ, ngành liên quan, địa phương trong vùng có trách nhiệm phối hợp tổ chức các hoạt động xúc tiến đầu tư, huy động các nguồn lực từ các thành phần kinh tế triển khai thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.

4. Đối với các dự án đầu tư liên kết vùng chưa có trong quy hoạch ngành quốc gia, quy hoạch vùng thì các Bộ, ngành liên quan, địa phương trong vùng theo chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm phối hợp với cơ quan được giao chủ trì, thực hiện trình tự, thủ tục điều chỉnh, bổ sung vào các quy hoạch có liên quan theo quy định của pháp luật về quy hoạch sau khi tham khảo ý kiến của Hội đồng Vùng Thủ đô.

### **Điều 8. Về đào tạo và sử dụng lao động**

1. Phối hợp trong việc đầu tư xây dựng phát triển các cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp; đào tạo nguồn nhân lực cho các địa phương trong vùng nhằm phát huy thế mạnh của các cơ sở đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.

2. Phối hợp trong sử dụng lao động, lao động từ khu vực chuyển đổi mục đích sử dụng đất nông nghiệp, lao động trong các khu công nghiệp, khu kinh tế, khu chế xuất. Định hướng, hướng dẫn, phối hợp hỗ trợ giới thiệu việc làm, hợp tác bố trí lao động, xử lý tranh chấp lao động khi cần thiết.

3. Phối hợp trong việc xây dựng và bố trí nhà ở, các công trình thiết yếu cho người lao động tại các khu công nghiệp, khu kinh tế, khu chế xuất; trong giải quyết các tệ nạn xã hội, vấn đề an ninh trật tự, an toàn xã hội.

### **Điều 9. Về xây dựng các cơ chế, chính sách**



1. Các Bộ, ngành rà soát, nghiên cứu xây dựng mới các văn bản quy phạm pháp luật hoặc sửa đổi, bổ sung các quy định hiện hành về cơ chế, chính sách ưu đãi và hỗ trợ, huy động vốn đầu tư để áp dụng cho vùng Thủ đô:

a) Tăng cường hỗ trợ từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương; thực hiện cơ chế xây dựng dự toán ngân sách địa phương công khai, minh bạch, phù hợp với nhu cầu phát triển của các tỉnh, thành phố giai đoạn tới;

b) Cơ chế tài chính hỗ trợ phát triển khu công nghiệp phụ trợ trong lĩnh vực điện, điện tử, công nghệ thông tin; khu công nghệ cao, sản phẩm công nghệ cao; cơ sở hạ tầng trong khu du lịch quốc gia; phát triển khu nông nghiệp công nghệ cao, nghiên cứu khoa học và công nghệ trực tiếp sản xuất;

c) Hỗ trợ đào tạo nghề bậc cao, chính sách thu hút nhân tài.

2. Ngoài chính sách áp dụng chung cho toàn vùng Thủ đô, trong chức năng, thẩm quyền các địa phương quy định cụ thể chính sách cho phù hợp với điều kiện đặc thù của từng địa phương nhưng không trái với quy định hiện hành và các chính sách chung của toàn vùng. Khi có sự thay đổi cơ chế, chính sách, các Bộ, ngành, các địa phương có trách nhiệm thông báo cho Hội đồng Vùng Thủ đô và các địa phương khác trong vùng biết để phối hợp thực hiện.

3. Trường hợp để giải quyết những yêu cầu cấp thiết vượt thẩm quyền và khả năng, các tỉnh, thành phố trong vùng Thủ đô có thể thông qua Hội đồng vùng trình Thủ tướng Chính phủ, Chính phủ, Quốc hội xem xét, quyết định.

#### **Điều 10. Về cơ sở dữ liệu hệ thống thông tin vùng**

1. Các Bộ, ngành liên quan và các tỉnh, thành phố trong vùng có trách nhiệm cung cấp thông tin về các lĩnh vực, nội dung phối hợp cho Hội đồng vùng Thủ đô. Các nội dung thông tin cần cung cấp gồm: cơ chế chính sách đã ban hành, dự báo thị trường, các dự án liên kết vùng, sản phẩm ứng dụng khoa học công nghệ và tình hình thực hiện các chỉ tiêu kinh tế - xã hội 5 năm và hàng năm.

2. Hội đồng vùng Thủ đô chỉ đạo xây dựng cơ sở dữ liệu, tăng cường chia sẻ thông tin giữa các địa phương trong vùng Thủ đô, giữa các địa phương với các Bộ, ngành và Hội đồng vùng Thủ đô đảm bảo các vấn đề được xử lý kịp thời, chính xác. Các Bộ, ngành, cơ quan và địa phương liên quan chịu trách nhiệm cung cấp thông tin đầy đủ, chính xác và kịp thời tới Hội đồng vùng Thủ đô để phục vụ công tác chỉ đạo chung.

### **Chương III**

## **CHÍNH SÁCH ƯU TIÊN ĐẦU TƯ CHO CÁC CÔNG TRÌNH HẠ TẦNG KINH TẾ - XÃ HỘI TRỌNG ĐIỂM VÀ TỔ CHỨC ĐIỀU PHỐI VÙNG THỦ ĐÔ**

## **Điều 11. Các công trình hạ tầng kinh tế - xã hội trọng điểm**

1. Các công trình hạ tầng kinh tế - xã hội trọng điểm của vùng là các công trình, dự án lớn có vai trò tạo động lực, sức lan tỏa và kết nối phát triển kinh tế - xã hội cho vùng và các tỉnh trong vùng trong các lĩnh vực sau:

a) Về hạ tầng kỹ thuật: Các dự án đầu tư xây dựng các tuyến cao tốc hướng tâm và đường vành đai; đường sắt nội vùng, đường sắt quốc gia; nâng cấp cảng hàng không quốc tế; các dự án thủy lợi và phòng chống lũ liên tỉnh; phát triển hạ tầng kỹ thuật khu công nghệ cao; xây mới và nâng cấp các nhà máy nước liên tỉnh; các dự án xử lý chất thải rắn, nước thải; các dự án giao thông trọng điểm của các địa phương trong vùng;

b) Về hạ tầng xã hội: Các trung tâm y tế, giáo dục và đào tạo cấp vùng tại một số địa phương thuộc vùng;

c) Về thương mại - dịch vụ, khoa học công nghệ, du lịch, văn hóa - thể dục thể thao: Các dự án gắn với các tuyến cao tốc, các hành lang kinh tế, vành đai;

d) Về phát triển kinh tế nông nghiệp - nông thôn: Các trung tâm hỗ trợ nông nghiệp cấp vùng và các vùng sản xuất chuyên canh, nguyên liệu hàng hóa quy mô lớn.

2. Căn cứ các lĩnh vực quy định tại Khoản 1 Điều này, Thủ tướng Chính phủ ban hành danh mục công trình, dự án hạ tầng kinh tế - xã hội trọng điểm của vùng trong từng thời kỳ làm cơ sở huy động nguồn lực đầu tư để triển khai thực hiện.

## **Điều 12. Chính sách ưu tiên huy động nguồn vốn đầu tư**

1. Ngân sách trung ương hỗ trợ một phần cho các tỉnh, thành phố để thực hiện công tác bồi thường giải phóng mặt bằng, tái định cư, các công trình, dự án hạ tầng kinh tế - xã hội trọng điểm của vùng.

2. Ưu tiên huy động nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức, vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài để thực hiện các công trình, dự án hạ tầng kinh tế - xã hội trọng điểm của vùng.

3. Các tỉnh, thành phố có trách nhiệm bố trí ngân sách địa phương để triển khai thực hiện các công trình, dự án hạ tầng kinh tế - xã hội trọng điểm của vùng trên địa bàn của mình.

4. Ưu tiên tổng hợp các công trình, dự án hạ tầng kinh tế - xã hội trọng điểm của vùng vào danh mục dự án kêu gọi đầu tư của các chương trình xúc tiến đầu tư quốc gia.

5. Các Bộ, ngành và các tỉnh, thành phố thuộc vùng ưu tiên bố trí nguồn vốn để thực hiện công tác chuẩn bị đầu tư theo phương thức đối tác công tư (PPP) cho các công trình, dự án hạ tầng kinh tế - xã hội trọng điểm của vùng.

6. Miễn tiền thuê đất cho toàn bộ thời gian của dự án đối với các công trình, dự án trọng điểm của vùng thuộc lĩnh vực y tế, quản lý và bảo vệ môi trường được đầu tư toàn bộ từ nguồn vốn xã hội hóa.

Thủ tướng Chính phủ quyết định các dự án cụ thể trên cơ sở đề xuất của các Bộ, ngành, địa phương sau khi Hội đồng điều phối vùng Thủ đô có ý kiến.

### **Điều 13. Tổ chức điều phối vùng Thủ đô**

1. Hội đồng vùng Thủ đô gồm các thành viên sau:

- a) Chủ tịch Hội đồng: Phó Thủ tướng Chính phủ;
- b) Phó Chủ tịch Thường trực: Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- c) Phó Chủ tịch: Bộ trưởng Bộ Xây dựng và Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội;
- d) Ủy viên Thường trực: Thứ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

đ) Các Ủy viên: Thứ trưởng và tương đương của các Bộ và cơ quan ngang Bộ: Tài chính, Công thương, Giao thông Vận tải, Xây dựng, Y tế, Giáo dục và Đào tạo, Ngoại giao, Công an, Quốc phòng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Khoa học và công nghệ, Tài nguyên và Môi trường, Thông tin và Truyền thông, Lao động – Thương binh và Xã hội, Văn hóa, Thể Thao và Du lịch, Nội vụ, Tư pháp, Văn phòng Chính phủ và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh: Bắc Ninh, Hưng Yên, Hà Nam, Hòa Bình, Phú Thọ, Bắc Giang, Vĩnh Phúc, Hải Dương, Thái Nguyên; đại diện là chuyên gia, nhà khoa học tiêu biểu thuộc cơ sở đào tạo, nghiên cứu khoa học của vùng; đại diện có uy tín của cộng đồng doanh nghiệp của Vùng Thủ đô.

e) Thường trực Hội đồng điều phối Vùng gồm Chủ tịch, các Phó Chủ tịch và Ủy viên Thường trực.

2. Hội đồng vùng Thủ đô có chức năng tham mưu, đề xuất và giúp Thủ tướng Chính phủ điều phối, kiểm tra, giám sát thực hiện các hoạt động trong lĩnh vực, nội dung phối hợp của vùng Thủ đô quy định tại Nghị định này.

3. Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định thành lập Hội đồng vùng Thủ đô; quy định quy chế hoạt động và các nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng vùng Thủ đô.

## **Chương IV**

### **TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC**

#### **Điều 14. Trách nhiệm của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ**

1. Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước đối với các lĩnh vực, nội dung phối hợp trên địa bàn vùng Thủ đô.

2. Thủ tướng Chính phủ:

a) Ban hành cơ chế, chính sách, văn bản quy phạm pháp luật theo thẩm quyền để quản lý các lĩnh vực, nội dung phối hợp trên địa bàn vùng Thủ đô;

b) Quyết định chủ trương đầu tư đối với các công trình, dự án hạ tầng kinh tế - xã hội trọng điểm của vùng Thủ đô theo thẩm quyền;

c) Quyết định các nội dung khác có liên quan đến lĩnh vực, nội dung phối hợp theo thẩm quyền quy định tại Nghị định này và quy định của pháp luật có liên quan.

#### **Điều 15. Trách nhiệm của Bộ Kế hoạch và Đầu tư**

1. Tổ chức xây dựng quy hoạch vùng liên quan và hướng dẫn các địa phương trong vùng phối hợp xây dựng quy hoạch tỉnh, thành phố trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo trình tự, thủ tục của Luật Quy hoạch, đảm bảo sự thống nhất, đồng bộ giữa các quy hoạch, phù hợp với định hướng chung của Vùng.

2. Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan và các địa phương trong vùng tổng hợp danh mục các công trình, dự án hạ tầng kinh tế - xã hội trọng điểm của vùng báo cáo cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định hỗ trợ từ ngân sách trung ương và ưu tiên huy động nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức, vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ để triển khai thực hiện theo từng thời kỳ.

3. Trên cơ sở đề xuất của các Bộ, ngành liên quan và các địa phương trong vùng, xây dựng danh mục dự án kêu gọi đầu tư của các chương trình xúc tiến đầu tư quốc gia.

4. Làm nhiệm vụ thường trực Hội đồng vùng Thủ đô; đầu mối phối hợp với các Bộ, ngành và địa phương trong vùng xây dựng kế hoạch hoạt động của Hội đồng vùng Thủ đô; điều phối các lĩnh vực, nội dung phối hợp quy định tại Nghị định này.

5. Nghiên cứu, đề xuất, báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và cơ quan có thẩm quyền các giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc và cơ chế, chính sách đặc thù nhằm phát triển Thủ đô Hà Nội và vùng Thủ đô trong quá trình thực hiện liên kết phối hợp Vùng.

6. Đôn đốc các Bộ, ngành và tỉnh, thành phố trong vùng thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn có liên quan quy định tại Nghị định này và theo phân công của Chủ tịch Hội đồng vùng Thủ đô.

7. Theo dõi, giám sát, tổng kết hàng năm về thực hiện cơ chế phối hợp giữa các tỉnh, thành phố trong Vùng thủ đô.

8. Xây dựng và trình Thủ tướng Chính phủ ban hành quy chế hoạt động của Hội đồng vùng Thủ đô; dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về thành lập Hội đồng vùng Thủ đô.

#### **Điều 16. Trách nhiệm của Bộ Tài chính**

1. Phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư trong việc huy động các nguồn vốn đầu tư để thực hiện các chương trình, dự án hạ tầng kinh tế - xã hội trọng điểm của vùng.

2. Hướng dẫn các tỉnh, thành phố trong vùng thực hiện các nội dung phối hợp có liên quan tới các nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Nghị định này và theo phân công của Chủ tịch Hội đồng vùng.

#### **Điều 17. Trách nhiệm của Bộ Xây dựng**

1. Phối hợp lập quy hoạch phát triển các đô thị trong vùng Thủ đô, các quy hoạch phát triển vùng đô thị và quản lý quá trình đầu tư xây dựng đô thị trong vùng theo quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Hướng dẫn các tỉnh, thành phố trong vùng thực hiện các nội dung phối hợp có liên quan tới các nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Nghị định này và theo phân công của Chủ tịch Hội đồng vùng.

#### **Điều 18. Trách nhiệm của Bộ Tài nguyên và Môi trường**

1. Xây dựng kế hoạch, chương trình, danh mục dự án đầu tư xây dựng về quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại; áp dụng các công nghệ xử lý chất thải rắn, chất thải nguy hại, triển khai thực hiện một số dự án đầu tư xây dựng khu xử lý chất thải rắn có tính chất liên vùng.

2. Hướng dẫn các tỉnh, thành phố trong vùng Thủ đô thực hiện các nội dung phối hợp trong lĩnh vực đất đai, tài nguyên và bảo vệ môi trường.

#### **Điều 19. Trách nhiệm của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội**

1. Phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo, các bộ, ngành, địa phương trong vùng Thủ đô xây dựng đề án đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng xu hướng dịch chuyển sản xuất phù hợp với nhu cầu thị trường.

2. Xây dựng cơ chế chia sẻ nguồn nhân lực chất lượng cao giữa các cơ sở đào tạo trong vùng Thủ đô phục vụ nhu cầu của Vùng và các địa phương lân cận.

#### **Điều 20. Trách nhiệm của Bộ Giáo dục và Đào tạo**

1. Chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trong vùng Thủ đô rà soát quy hoạch mạng lưới các cơ sở giáo dục đại học và dạy nghề trong vùng Thủ đô, trong đó ưu tiên phát triển một số cơ sở giáo dục đại học trọng điểm tại các địa phương lân cận Thủ đô Hà Nội và các trung tâm dạy nghề chất lượng cao phù hợp với nhu cầu của thị trường lao động.

2. Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trong vùng Thủ đô xây dựng Đề án phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của vùng Thủ đô.

### **Điều 21. Trách nhiệm chung của các Bộ**

1. Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao chủ trì hoặc phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và các tỉnh, thành phố trong vùng xây dựng các chương trình, dự án hạ tầng kinh tế - xã hội trọng điểm của vùng thuộc lĩnh vực phụ trách; đề xuất các nguồn vốn đầu tư để triển khai thực hiện.

2. Hướng dẫn các tỉnh, thành phố trong vùng thực hiện các nội dung phối hợp có liên quan tới các nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Nghị định này và theo phân công của Chủ tịch Hội đồng vùng Thủ đô.

### **Điều 22. Trách nhiệm của các tỉnh, thành phố trong vùng Thủ đô**

1. Xây dựng chương trình, kế hoạch để phối hợp các Bộ và các tỉnh, thành phố trong vùng triển khai các nội dung phối hợp quy định tại Nghị định này.

2. Phối hợp các Bộ liên quan và tỉnh, thành phố trong vùng nghiên cứu, đề xuất các chương trình, dự án hạ tầng kinh tế - xã hội trọng điểm của vùng.

3. Cân đối nguồn vốn ngân sách địa phương để triển khai thực hiện các công trình, dự án hạ tầng kinh tế - xã hội trọng điểm của vùng trên địa bàn của mình.

4. Xây dựng và cung cấp các thông tin, dữ liệu về kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội theo quy định tại Điều 10 của Nghị định này và công bố thông tin về các ngành, lĩnh vực trọng điểm của tỉnh, thành phố trong vùng Thủ đô.

5. Hoàn thiện các cơ chế, chính sách nhằm cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, ban hành các biện pháp nhằm khuyến khích, hỗ trợ các thành phần kinh tế và thu hút các doanh nghiệp tham gia đầu tư vào các chương trình, dự án liên kết vùng.

### **Điều 23. Trách nhiệm của thành phố Hà Nội trong vùng Thủ đô**

1. Chủ động phối hợp và hỗ trợ các tỉnh trong vùng Thủ đô thông qua việc mở rộng các hình thức liên kết, hợp tác cùng phát triển.

2. Hà Nội cần phát huy hơn nữa vai trò động lực thúc đẩy kinh tế - xã hội của các tỉnh trong vùng, vai trò dẫn dắt phát triển của vùng Thủ đô.

3. Cơ chế, chính sách đặc thù để phát triển Thủ đô Hà Nội phải đặt trong mối quan hệ Thành phố vì cả nước và cả nước vì Thành phố phát triển, ngày càng văn minh, hiện đại; đồng thời, bảo đảm phù hợp với khả năng huy động đa dạng tiềm năng, lợi thế và khả năng chủ động của Thủ đô tạo động lực cho phát triển kinh tế - xã hội cho Vùng Thủ đô và cả nước.

#### **Điều 24. Chế độ báo cáo**

Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương vùng Thủ đô và các Bộ, cơ quan liên quan có trách nhiệm báo cáo định kỳ hàng năm về kết quả thực hiện các nhiệm vụ được giao quy định tại Nghị định này và gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ và Chủ tịch Hội đồng vùng Thủ đô.

### **Chương V**

#### **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

#### **Điều 25. Điều khoản thi hành**

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày      tháng      năm 2020.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố vùng Thủ đô và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

#### **Nơi nhận:**

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng TW và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư ;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các UB của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban giám sát tài chính quốc gia;
- Ngân hàng chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban TW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP; BTCN, các PCN, Trợ lý Thủ tướng Chính phủ, Tổng Giám đốc Công Thông tin điện tử,

**TM. CHÍNH PHỦ  
THỦ TƯỚNG**

**Nguyễn Xuân Phúc**

Số: /BC-BKHĐT

Hà Nội, ngày tháng 8 năm 2020

## **BÁO CÁO**

### **Đánh giá tác động của chính sách Dự thảo Nghị định Quy định về cơ chế phối hợp giữa các tỉnh, thành phố trong vùng Thủ đô để thi hành các quy định của pháp luật về Thủ đô**

#### **I. XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ BẮT CẬP TỔNG QUAN**

##### **1. Bối cảnh xây dựng Dự thảo Nghị định Quy định về cơ chế phối hợp giữa các tỉnh, thành phố trong vùng Thủ đô để thi hành các quy định của pháp luật về Thủ đô**

Vùng thủ đô Hà Nội là một vùng đô thị được xác định gồm toàn bộ ranh giới của Thủ đô Hà Nội và 09 tỉnh xung quanh<sup>1</sup>, diện tích khoảng 24.314,7 km<sup>2</sup> với mục tiêu phát huy mọi tiềm năng, lợi thế của vùng Thủ đô nhằm phát triển Thủ đô Hà Nội có đủ chức năng và vị thế của một trung tâm đô thị hiện đại trong khu vực Đông Nam Á và Châu Á; giải quyết những bất cập, mâu thuẫn đang tồn tại ảnh hưởng tới quá trình phát triển chung cho cả vùng Thủ đô Hà Nội. Để Thủ đô Hà Nội và vùng Thủ đô phát triển bền vững, trong thời gian qua Đảng, Nhà nước, Chính phủ đã ban hành nhiều cơ chế, chính sách cho Thủ đô Hà Nội và vùng Thủ đô. Tuy nhiên, trước bối cảnh thách thức của yêu cầu phát triển nhanh và bền vững, của quá trình hội nhập cạnh tranh quốc tế, các thách thức về hạ tầng kỹ thuật, giao thông, đô thị, môi trường, dân số, ... đã và đang ảnh hưởng đến sự phát triển bền vững của vùng Thủ đô. Bên cạnh đó, thời gian vừa qua, việc liên kết giữa các địa phương trong vùng Thủ đô, giữa Thủ đô Hà Nội và các địa phương trong vùng nói riêng và giữa vùng Thủ đô với các vùng khác trong cả nước nói chung còn hạn chế như:

- Mặc dù Quy hoạch xây dựng Vùng Thủ đô mới đây đã được điều chỉnh theo Quyết định số 768/QĐ-TTg ngày 06/5/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch xây dựng Vùng Thủ đô đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050 (đã bổ sung thêm 03 tỉnh so với Quy hoạch Vùng Thủ đô năm 2008 theo Quyết định số 490/QĐ-TTg ngày 05/5/2016), song đến nay cơ chế liên kết, kết nối giữa các tỉnh, thành phố trong Vùng với nhau hoặc với các cơ quan trung ương vẫn chưa được xác lập để tạo sự chủ động cho các tỉnh, thành phố trong

<sup>1</sup> Quyết định số 768/QĐ-TTg ngày 06/5/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch xây dựng vùng Thủ đô Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050 xác định vùng Thủ đô gồm: Thành phố Hà Nội và các tỉnh: Vĩnh Phúc, Bắc Ninh, Hải Dương, Hưng Yên, Hà Nam, Hòa Bình, Phú Thọ, Thái Nguyên, Bắc Giang.



công tác phối hợp, liên kết Vùng. Thực tế cũng đã có một số hoạt động mang tính kết nối, phối hợp giữa các tỉnh trong Vùng, tuy nhiên chủ yếu vẫn mang tính tự phát, hình thức. Các liên kết về phát triển kinh tế chưa dựa trên sự chuyên môn hóa hay phân công lao động một cách hợp lý dựa vào tiềm năng, thế mạnh của mỗi địa phương, mà chủ yếu là liên kết giữa một số doanh nghiệp, địa phương có chung ranh giới thực hiện cùng đầu tư, sản xuất, tiêu thụ sản phẩm... với quy mô nhỏ lẻ, thiếu tính bền vững;

- Việc phối hợp trong việc thực hiện khảo sát, chuẩn bị quỹ đất phục vụ việc di dời trụ sở cơ quan Trung ương, trường đại học, bệnh viện và cơ sở sản xuất từ nội thành Hà Nội còn nhiều hạn chế, bất cập; không có quy định về thời hạn thực hiện, các đơn vị được di dời không chủ động nguồn lực tài chính, nên một số địa phương đã bố trí quỹ đất bàn giao mặt bằng cho các đơn vị nhưng nhiều năm không thực hiện xây dựng, gây lãng phí nguồn lực, ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; công tác xử lý môi trường bảo vệ nguồn nước trên các hệ thống sông trong vùng còn nhiều vướng mắc chưa có cơ chế giải quyết triệt để;

- Còn thiếu cơ chế điều hành chung trong việc phối hợp giữa các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong Vùng Thủ đô. Ban chỉ đạo quy hoạch và đầu tư xây dựng Vùng Thủ đô Hà Nội đã được thành lập nhưng hoạt động chưa hiệu quả; trong thời gian qua chưa chủ động tổ chức được các cuộc làm việc của Thủ tướng Chính phủ với UBND thành phố Hà Nội, cùng các tỉnh trong Vùng Thủ đô và các bộ, ngành có liên quan để đánh giá kết quả thi hành pháp luật về Thủ đô, kịp thời tháo gỡ những vướng mắc, khó khăn cho các địa phương và thành phố Hà Nội.

Bên cạnh đó, để triển khai thi hành Luật Thủ đô, tại khoản 1 Điều 23 Luật Thủ đô có quy định trách nhiệm của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ trong việc xây dựng quy định về cơ chế phối hợp giữa các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trong Vùng Thủ đô để thi hành các quy định của pháp luật về Thủ đô.

Để giải quyết các vấn đề nêu trên, việc ban hành Nghị định về cơ chế phối hợp giữa các tỉnh, thành phố trong vùng Thủ đô nhằm xây dựng quy hoạch, tổ chức thực hiện và xúc tiến đầu tư, huy động nguồn lực triển khai thực hiện các lĩnh vực và nội dung phối hợp, nâng cao sức cạnh tranh để cùng phát triển là cần thiết.

## **2. Mục tiêu**

Nghị định Quy định về cơ chế phối hợp giữa các tỉnh, thành phố trong vùng Thủ đô để thi hành các quy định của pháp luật về Thủ đô được xây dựng nhằm đạt tới những mục tiêu chủ yếu sau đây:

*Một là*, tạo cơ sở pháp lý để khai thác tối đa tiềm năng, lợi thế của các tỉnh, thành phố trong vùng Thủ đô và thủ đô Hà Nội nhất là huy động, sử dụng hiệu quả các nguồn lực trong đầu tư phân đấu xây dựng vùng Thủ đô trở thành vùng kinh tế phát triển năng động, sáng tạo, chất lượng cao và bền vững.

*Hai là*, đáp ứng các yêu cầu phát triển và công tác quản lý nhà nước trong các lĩnh vực, có sự phân công, hợp tác, chia sẻ và liên kết giữa các địa phương trong vùng

để tập trung xây dựng đồng bộ và hiện đại hệ thống mạng lưới hạ tầng kỹ thuật, đô thị và hạ tầng xã hội của Vùng; nâng cao hiệu quả quản lý của nhà nước, hiệu quả sử dụng nguồn lực đầu tư phát triển và đời sống người dân trong vùng Thủ đô.

### **3. Xây dựng Chính sách**

Để quy định chi tiết Điều 23 Luật Thủ đô và hướng dẫn thi hành, dự kiến Nghị định Quy định về cơ chế phối hợp giữa các tỉnh, thành phố trong vùng Thủ đô để thi hành các quy định của pháp luật về Thủ đô được xây dựng với 04 chính sách gồm:

- Chính sách 1: Xác định rõ vùng Thủ đô và các chương trình, dự án liên kết vùng
- Chính sách 2: Xác định các lĩnh vực trọng tâm trong công tác phối hợp và xây dựng nội dung phối hợp
- Chính sách 3: Hoàn thiện các quy định về ưu tiên đầu tư cho các công trình hạ tầng kinh tế - xã hội trọng điểm và tổ chức điều phối Vùng Thủ đô
- Chính sách 4: Hoàn thiện các quy định về quản lý nhà nước đối với Vùng Thủ đô

Trong đó các Chính sách 1, 2 và 4 để quy định chi tiết Điều 23 Luật Thủ đô, Chính sách 3 là chính sách mở rộng hơn so với phạm vi được giao quy định chi tiết tại Điều 23, tuy nhiên đây là chính sách cần thiết phải xây dựng để đảm bảo cho việc thi hành Luật Thủ đô cũng như các chính sách về phát triển Vùng Thủ đô theo quy định của pháp luật hiện hành.

## **II. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH**

### **1. Chính sách 1: Xác định rõ vùng Thủ đô và các chương trình, dự án liên kết vùng**

#### **1.1. Xác định vấn đề bất cập**

Theo quy định tại khoản 3 Điều 3 Luật Thủ đô: *“Vùng Thủ đô là khu vực liên kết phát triển kinh tế - xã hội gồm thành phố Hà Nội và một số tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương lân cận do Chính phủ quyết định”*. Ngày 06/5/2016 Thủ tướng Chính phủ ban hành quyết định số 768/QĐ-TTg phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch xây dựng Vùng Thủ đô đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050 đã xác định: *“Phạm vi Vùng Thủ đô Hà Nội gồm toàn bộ ranh giới của Thủ đô Hà Nội và 09 tỉnh xung quanh là Vĩnh Phúc, Bắc Ninh, Hải Dương, Hưng Yên, Hà Nam, Hòa Bình, Phú Thọ, Thái Nguyên và Bắc Giang.”* Như vậy, để thực hiện quy định của Luật Thủ đô, cần thiết phải xác định Vùng Thủ đô tại văn bản do Chính phủ ban hành.

Vùng Thủ đô là vùng phát triển kinh tế tổng hợp, có Thủ đô Hà Nội là trung tâm chính trị - hành chính quốc gia, trung tâm lớn về văn hóa, giáo dục, khoa học và công nghệ, kinh tế và giao dịch quốc tế của cả nước; có ý nghĩa quốc tế quan trọng trong khu vực châu Á - Thái Bình Dương. Một trong các nội dung phối hợp giữa các tỉnh, thành phố thuộc Vùng Thủ đô là phối hợp đầu tư các chương trình, dự án liên kết vùng, tuy nhiên hiện nay chưa có một cách hiểu thống nhất về

“Chương trình, dự án liên kết vùng” do đó cần thiết phải bổ sung quy định làm rõ khái niệm này.

## **1.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề**

Bảo đảm thực hiện thống nhất quy định của Luật Thủ đô, xác định rõ phạm vi Vùng Thủ đô phù hợp với quy định của Luật Thủ đô và Luật Quy hoạch về quy hoạch Vùng, trên cơ sở đó xác định đối tượng, phạm vi điều chỉnh của công tác phối hợp trong Vùng Thủ đô để thi hành các quy định của pháp luật về Thủ đô.

## **1.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề**

**1.3.1. Giải pháp 1:** Giữ nguyên hiện trạng.

**1.3.2. Giải pháp 2:**

- Kế thừa quy định tại Quyết định số 768/QĐ-TTg phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch xây dựng Vùng Thủ đô đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050 về khái niệm Vùng Thủ đô.

- Bổ sung quy định giải thích thuật ngữ “Chương trình, dự án liên kết vùng”.

**1.3.2. Giải pháp 3:**

Xây dựng và xác định khái niệm mới về Vùng Thủ đô.

## **1.4. Đánh giá tác động của các giải pháp:**

**1.4.1. Giải pháp 1:**

**a) Tác động về kinh tế:**

- Lợi ích: Không phát sinh chi phí mới để thực hiện Giải pháp.

**b) Tác động về xã hội:**

*\*Về phương diện nhà nước:*

- Đáp ứng các yêu cầu phát triển, công tác quản lý quy hoạch và đầu tư xây dựng Vùng Thủ đô Hà Nội. Trên cơ sở Quy hoạch Vùng Thủ đô Hà Nội đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, các tỉnh, thành phố trong Vùng đã hoàn thành việc phê duyệt các đồ án Quy hoạch chung, Quy hoạch phân khu và Quy hoạch ngành, lĩnh vực của từng địa phương.

- Làm cơ sở cho việc lập và điều chỉnh các quy hoạch xây dựng vùng tỉnh, vùng dọc tuyến đường vành đai, cao tốc liên tỉnh, các vùng và khu chức năng đặc thù, quy hoạch chung các đô thị, quy hoạch xây dựng nông thôn mới; là cơ sở dữ liệu phục vụ công tác quản lý, đề xuất cơ chế chính sách và mô hình quản lý Vùng.

- Xây dựng Vùng trọng điểm tập trung hệ thống giao thông và hạ tầng kỹ thuật quốc gia, có vị trí trọng yếu về an ninh quốc phòng, ổn định chính trị, đảm bảo quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội.

*\* Về phía người dân:*

- Người dân thuộc Vùng Thủ đô sẽ được sống trong Vùng có môi trường sống và môi trường cảnh quan phong phú, giàu tính văn hóa – xã hội, mang đậm bản sắc dân tộc với xu hướng phát triển hiện đại.

- Được sống trong Vùng phát triển kinh tế tổng hợp, có Thủ đô Hà Nội là trung tâm chính trị - hành chính quốc gia, trung tâm lớn về văn hóa, giáo dục, khoa

học và công nghệ, kinh tế và giao dịch quốc tế của cả nước; chất lượng cuộc sống được nâng cao cả về vật chất và tinh thần.

**\* Về phía doanh nghiệp:**

- Môi trường đầu tư hiện đại: hệ thống giao thông vận tải, hạ tầng kỹ thuật từ Thủ đô đến các tỉnh thuộc Vùng thủ đô được đầu tư phát triển cả về quy mô, số lượng các dự án, công trình trọng điểm, được kết nối thông suốt, đồng bộ, thúc đẩy liên kết phát triển kinh tế - xã hội giữa các tỉnh, thành phố trong Vùng Thủ đô; khoa học và công nghệ được đầu tư phát triển theo cả chiều rộng và chiều sâu, hướng tới chất lượng, hiệu quả ứng dụng, thu hút được sự tham gia của đông đảo các chuyên gia, nhà khoa học hàng đầu trên nhiều lĩnh vực.

- Vùng kinh tế trọng điểm: Với Thủ đô Hà Nội là trung tâm chính trị - hành chính quốc gia, trung tâm kinh tế của cả nước, với tỷ lệ dân số cao, chất lượng lao động tốt, cơ cấu ngành kinh tế thay đổi theo hướng hiện đại, phù hợp với định hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

**c) Tác động về thủ tục hành chính:** Giải pháp này không phát sinh các vấn đề về thủ tục hành chính.

**d) Tác động về giới:** Giải pháp này không phát sinh các vấn đề liên quan đến giới.

**đ) Tác động hệ thống pháp luật**

- Tác động tích cực: Không phải sửa đổi hệ thống pháp luật.

- Tác động tiêu cực: Chưa bảo đảm yêu cầu của Luật Thủ đô về Vùng Thủ đô (khoản 3 Điều 1) và chưa khắc phục được tình trạng thiếu quy định của pháp luật để giải thích về Chương trình, dự án liên kết vùng.

**1.4.2. Giải pháp 2**

**a) Tác động về kinh tế:**

**\* Về lợi ích:** Không phát sinh chi phí mới để thực hiện việc xây dựng, xác định, lập quy hoạch Vùng Thủ đô được thực hiện và bảo đảm thực hiện bằng kinh phí ngân sách thường xuyên của Nhà nước

**\* Về chi phí:**

- Phát sinh chi phí xây dựng Nghị định Quy định về cơ chế phối hợp giữa các tỉnh, thành phố trong vùng Thủ đô để thi hành các quy định của pháp luật về Thủ đô và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành. Chi phí này sẽ được tính toán dựa trên: (1) Số lượng văn bản cần phải ban hành, sửa đổi, bổ sung; (2) Kinh phí sửa đổi, bổ sung từng loại văn bản. Chi phí này sẽ là chi phí tổng cho việc thực hiện đồng thời 03 chính sách và sẽ chỉ tính toán một lần tại Chính sách 1 này.

- Về số lượng văn bản cần ban hành, sửa đổi, bổ sung: Theo kết quả rà soát cho thấy, cần xây dựng Nghị định Quy định về cơ chế phối hợp giữa các tỉnh, thành phố trong vùng Thủ đô để thi hành các quy định của pháp luật về Thủ đô và 02 quyết định của Thủ tướng Chính phủ. Về kinh phí sửa đổi, bổ sung từng loại văn bản được tính như dự kiến là 160 triệu đồng theo quy định tại Thông tư số 338/2016/TT-

BTC của Bộ Tài chính ngày 28/12/2016 về quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật.

**b) Tác động về xã hội:**

**\* Về phía nhà nước:**

- Việc kế thừa quy định Vùng Thủ đô về cơ bản phù hợp với tình hình thực tiễn, các tỉnh thành phố thuộc vùng Thủ đô theo quy định hiện hành đều có sự tương đồng về: vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên; phát triển kinh tế - xã hội; tài nguyên thiên nhiên, môi trường; hệ thống đô thị, nông thôn; kết cấu hạ tầng; liên kết nội vùng, liên kết vùng với khu vực và quốc tế; các nguồn lực của vùng đã và đang được khai thác, các tiềm năng chưa được khai thác;...

- Đáp ứng các yêu cầu phát triển, công tác quản lý quy hoạch và đầu tư xây dựng Vùng Thủ đô Hà Nội. Trên cơ sở Quy hoạch Vùng Thủ đô Hà Nội đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, các tỉnh, thành phố trong Vùng đã hoàn thành việc phê duyệt các đồ án Quy hoạch chung, Quy hoạch phân khu và Quy hoạch ngành, lĩnh vực của từng địa phương.

- Làm cơ sở cho việc lập và điều chỉnh các quy hoạch xây dựng vùng tỉnh, vùng dọc tuyến đường vành đai, cao tốc liên tỉnh, các vùng và khu chức năng đặc thù, quy hoạch chung các đô thị, quy hoạch xây dựng nông thôn mới; là cơ sở dữ liệu phục vụ công tác quản lý, đề xuất cơ chế chính sách và mô hình quản lý Vùng.

- Xây dựng Vùng trọng điểm tập trung hệ thống giao thông và hạ tầng kỹ thuật quốc gia, có vị trí trọng yếu về an ninh quốc phòng, ổn định chính trị, đảm bảo quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội.

**\* Về phía người dân:**

- Người dân thuộc Vùng Thủ đô sẽ được sống trong Vùng có môi trường sống và môi trường cảnh quan phong phú, giàu tính văn hóa – xã hội, mang đậm bản sắc dân tộc với xu hướng phát triển hiện đại.

- Được sống trong Vùng phát triển kinh tế tổng hợp, có Thủ đô Hà Nội là trung tâm chính trị - hành chính quốc gia, trung tâm lớn về văn hóa, giáo dục, khoa học và công nghệ, kinh tế và giao dịch quốc tế của cả nước; chất lượng cuộc sống được nâng cao cả về vật chất và tinh thần.

**\* Doanh nghiệp:**

- Môi trường đầu tư hiện đại: hệ thống giao thông vận tải, hạ tầng kỹ thuật từ Thủ đô đến các tỉnh thuộc Vùng thủ đô được đầu tư phát triển cả về quy mô, số lượng các dự án, công trình trọng điểm, được kết nối thông suốt, đồng bộ, thúc đẩy liên kết phát triển kinh tế - xã hội giữa các tỉnh, thành phố trong Vùng Thủ đô; khoa học và công nghệ được đầu tư phát triển theo cả chiều rộng và chiều sâu, hướng tới chất lượng, hiệu quả ứng dụng, thu hút được sự tham gia của đông đảo các chuyên gia, nhà khoa học hàng đầu trên nhiều lĩnh vực.

- Vùng kinh tế trọng điểm: Với Thủ đô Hà Nội là trung tâm chính trị - hành chính quốc gia, trung tâm kinh tế của cả nước, với tỷ lệ dân số cao, chất lượng lao động tốt, cơ cấu ngành kinh tế thay đổi theo hướng hiện đại, phù hợp với định hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

- Xác định được các Chương trình, dự án liên kết vùng để tập trung đầu tư, thu hút, kêu gọi nguồn vốn đầu tư cũng như được hưởng chính sách ưu đãi từ nhà nước khi thực hiện các Chương trình, dự án liên kết Vùng.

**c) Tác động về thủ tục hành chính:** Giải pháp này không phát sinh các vấn đề về thủ tục hành chính.

**d) Tác động về giới:** Giải pháp này không phát sinh các vấn đề liên quan đến giới.

**đ) Tác động hệ thống pháp luật:**

- Tác động tới bộ máy nhà nước: Giải pháp này không tác động tới bộ máy nhà nước.

- Tác động đến quyền cơ bản của công dân: Giải pháp này sẽ góp phần thực hiện tốt hơn quyền cơ bản của công dân như quyền làm việc, quyền sống, quyền được bảo đảm an sinh xã hội...

- Phù hợp với hệ thống pháp luật: Giải pháp này đảm bảo phù hợp với quy định của Luật Thủ đô về Vùng Thủ đô (khoản 3 Điều 1); Luật Quy hoạch năm 2017; Quyết định số 768/QĐ-TTg ngày 06/5/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch xây dựng Vùng Thủ đô Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050. Khắc phục được tình trạng thiếu quy định của pháp luật để giải thích về Chương trình, dự án liên kết vùng.

- Tương thích với điều ước quốc tế: Giải pháp này không ảnh hưởng đến các cam kết quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

**1.4.3. Giải pháp 3:**

**a) Tác động về kinh tế**

**\*Về chi phí:**

- Phát sinh chi phí lập quy hoạch, xác định phạm vi Vùng Thủ đô<sup>2</sup>.

- Phát sinh chi phí xây dựng Nghị định Quy định về cơ chế phối hợp giữa các tỉnh, thành phố trong vùng Thủ đô để thi hành các quy định của pháp luật về Thủ đô và các văn bản quy định chi tiết, tương tự như Giải pháp 2.

**b) Tác động về xã hội**

**\*Đối với Nhà nước:**

- Tác động tích cực: Giải pháp này sẽ có thể điều chỉnh được quy hoạch Vùng Thủ đô theo hướng hợp lý hơn với tình hình thực tiễn.

---

<sup>2</sup> Theo tính toán sơ bộ chi phí để lập Quy hoạch, xác định phạm vi Vùng Thủ đô là 5.892,66 triệu đồng

-Tác động tiêu cực: Sẽ gây lãng phí trong công tác lập quy hoạch, phải điều chỉnh Quy hoạch xây dựng Vùng Thủ đô Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050.

*\* Đối với người dân, doanh nghiệp:*

- Việc thay đổi quy hoạch Vùng Thủ đô sẽ giúp có cái nhìn tổng thể hơn về các vấn đề liên quan đến các tỉnh, thành phố thuộc Vùng, đảm bảo đưa vào quy hoạch Vùng các địa phương có sự tương đồng về: vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên; phát triển kinh tế - xã hội; tài nguyên thiên nhiên, môi trường; hệ thống đô thị, nông thôn; kết cấu hạ tầng; liên kết nội vùng, liên kết vùng với khu vực và quốc tế; các nguồn lực của vùng đã và đang được khai thác, các tiềm năng chưa được khai thác; các nguy cơ và tác động của thiên tai, biến đổi khí hậu trên địa bàn vùng, từ đó xác định được các vấn đề trọng tâm cần giải quyết trong Vùng Thủ đô. Theo đó, thông qua việc xác định Vùng Thủ đô mới sẽ tác động về xã hội với người dân, doanh nghiệp cụ thể như sau:

+ Tác động đến vấn đề cơ cấu dân số theo vùng;

+ Được thụ hưởng cơ sở hạ tầng thiết yếu; dân cư được tổ chức lại phù hợp; doanh nghiệp xác định được địa bàn đầu tư, cơ hội đầu tư.

+ Thông qua việc xây dựng cơ sở hạ tầng gắn với trung tâm là Thủ đô Hà Nội sẽ tạo điều kiện để phát triển, chuyển dịch nền kinh tế của các tỉnh xung quanh.

+ Có điều kiện để được nâng cao đời sống vật chất, văn hóa, tinh thần thông qua việc phát triển các cơ sở giáo dục, nâng cao chất lượng đào tạo, trẻ em được hưởng chính sách giáo dục đồng đều; cơ sở khám chữa bệnh được phân bổ hợp lý; trên cơ sở đời sống được cải thiện, phục hồi bảo tồn và phát triển văn hóa truyền thống của các tỉnh thuộc Vùng.

*c) Tác động về thủ tục hành chính:* Giải pháp này không phát sinh các vấn đề về thủ tục hành chính.

*d) Tác động về giới:* Giải pháp này không phát sinh các vấn đề liên quan đến giới.

*đ) Tác động hệ thống pháp luật:* Giải pháp này tác động đối với hệ thống pháp luật tương tự Giải pháp 2.

### **1.5. Kiến nghị lựa chọn giải pháp**

- Trên cơ sở phân tích, đánh giá tác động các giải pháp, Bộ Kế hoạch và Đầu tư kiến nghị lựa chọn Giải pháp 2.

- Thẩm quyền ban hành chính sách là Chính phủ.

**2. Chính sách 2: Xác định các lĩnh vực trọng tâm trong công tác phối hợp và xây dựng nội dung phối hợp**

#### **2.1. Xác định vấn đề bất cập:**

Tại Chương II Luật Thủ đô quy định về các chính sách xây dựng, phát triển và quản lý Thủ đô nhưng không xác định các lĩnh vực trọng tâm trong công tác phối hợp và nội dung phối hợp trong từng lĩnh vực. Do đó, khi triển khai công tác phối hợp các tỉnh, thành phố trong Vùng Thủ đô gặp nhiều bất cập và lúng túng trong việc triển khai và lựa chọn lĩnh vực phối hợp để thực hiện dẫn tới chưa đồng bộ và thiếu tính toàn diện.

Quyết định số 768/QĐ-TTg ngày 06/5/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch xây dựng Vùng Thủ đô Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050 đã xác định trách nhiệm của các tỉnh, thành phố thuộc Vùng Thủ đô trong việc triển khai xây dựng Vùng Thủ đô nhưng cũng chưa xác định các nội dung, lĩnh vực phối hợp giữa các tỉnh, thành phố thuộc Vùng Thủ đô trong các công việc cụ thể để thực hiện quy hoạch

## **2.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề:**

Mục tiêu để đảm bảo tính thống nhất với các nội dung chính sách xây dựng, phát triển Thủ đô theo quy định của Luật Thủ đô; xác định được một số lĩnh vực là trọng tâm phù hợp với trình độ và điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của các tỉnh, thành phố trong Vùng; trên cơ sở đó xác định các nội dung phối hợp giữa các tỉnh.

## **2.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề:**

### **2.3.1. Giải pháp 1:** Giữ nguyên hiện trạng.

### **2.3.2. Giải pháp 2:**

- Trên cơ sở các chính sách xây dựng, phát triển Thủ đô theo quy định của Luật Thủ đô (Chương II) xác định lĩnh vực phối hợp là tất cả các lĩnh vực kinh tế - xã hội, trong đó ưu tiên các lĩnh vực trọng tâm là 08 lĩnh vực phù hợp với tất cả các tỉnh, thành phố thuộc vùng: Quy hoạch xây dựng; phát triển y tế, giáo dục và đào tạo; phát triển khoa học và công nghệ; quản lý và bảo vệ môi trường; quản lý đất đai; quản lý dân cư và phát triển, quản lý nhà ở; phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật; phát triển và quản lý hệ thống giao thông vận tải.

- Thể chế hóa một số nội dung tại Chỉ thị 25/CT-TTg ngày 11/10/2019 của Thủ tướng Chính phủ về các giải pháp thúc đẩy tăng trưởng và phát triển bền vững Vùng Kinh tế trọng điểm Bắc Bộ và Quyết định số 768/QĐ-TTg ngày 06/5/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch xây dựng Vùng Thủ đô Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050. Theo đó, dự thảo Nghị định quy định các nội dung phối hợp trọng tâm gồm: Xây dựng và tổ chức thực hiện quy hoạch; Đầu tư phát triển; Đào tạo và sử dụng lao động; Xây dựng cơ chế, chính sách; Xây dựng cơ sở dữ liệu hệ thống thông tin vùng.

**2.3.3. Giải pháp 3:** Chỉ quy định các lĩnh vực phối hợp trọng tâm; không quy định nội dung phối hợp trọng tâm; giao các tỉnh, thành phố tùy thuộc vào tình hình thực tế để xác định các nội dung phối hợp trọng tâm.



## **2.4. Đánh giá tác động của các giải pháp:**

### **2.4.1. Giải pháp 1:**

#### **a) Tác động về kinh tế:**

Trên thực tế, triển khai thực hiện Luật Thủ đô, các cơ quan có liên quan thực hiện việc công tác phối hợp trên cơ sở tình hình thực tiễn tại địa phương. Do vậy, Giải pháp này cơ bản không phát sinh mới các chi phí để thực hiện.

#### **b) Tác động về xã hội:**

##### **\* Đối với nhà nước:**

- Do chưa có cơ sở pháp lý, dẫn đến trên thực tế, công tác phối hợp thiếu nhịp nhàng, việc xác định lĩnh vực, nội dung phối hợp còn gặp khó khăn, một số hoạt động mang tính kết nối, phối hợp giữa các tỉnh trong Vùng, tuy nhiên chủ yếu vẫn mang tính tự phát, hình thức. Các liên kết kinh tế chưa dựa trên sự chuyên môn hóa hay phân công lao động một cách hợp lý dựa vào tiềm năng, thế mạnh của mỗi địa phương, mà chủ yếu là liên kết giữa một số doanh nghiệp, địa phương có chung ranh giới thực hiện cùng đầu tư, sản xuất, tiêu thụ sản phẩm... với quy mô nhỏ lẻ, thiếu tính bền vững.

##### **\* Đối với người dân, doanh nghiệp:**

- Do thiếu sự phối hợp giữa các tỉnh, thành phố thuộc Vùng nên dẫn tới sự phát triển không đồng đều giữa các tỉnh thuộc Vùng; không sử dụng được tối đa nguồn lực vốn có của từng địa phương.

- Doanh nghiệp chỉ tập trung đầu tư ở một số tỉnh dẫn tới việc thu hút lao động từ các tỉnh xung quanh về làm gia tăng sức ép về dân số, nhà ở tại một số tỉnh nhất định; một số tỉnh lại không có lao động cho các nhóm ngành nghề thuộc lĩnh vực nông nghiệp;...

- Cơ sở hạ tầng chủ yếu được đầu tư phát triển ở thành thị, tốc độ đô thị hóa chậm.

#### **c) Tác động thủ tục hành chính:**

Giải pháp này không phát sinh các vấn đề liên quan đến thủ tục hành chính.

#### **d) Tác động về giới:**

Giải pháp này không phát sinh các vấn đề về giới.

#### **đ) Tác động đối với hệ thống pháp luật:**

- Thiếu cơ sở pháp lý để các tỉnh, thành phố và các cơ quan có liên quan thuộc Vùng Thủ đô thực hiện công tác phối hợp một cách đồng bộ, thống nhất.

### **2.4.2. Giải pháp 2:**

#### **a) Tác động về kinh tế:**

Trên thực tế, việc xác định các lĩnh vực và nội dung phối hợp thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của các cơ quan nhà nước thuộc Vùng Thủ đô vẫn đang áp

dụng trên nhu cầu của từng địa phương tại từng thời điểm. Do vậy, giải pháp này cơ bản không phát sinh mới các chi phí để thực hiện; trong một số trường hợp sẽ giảm chi phí thực hiện do quy định rõ các lĩnh vực, nội dung phối hợp, tránh công tác nghiên cứu, khảo sát, hội họp để xác định các nội dung, lĩnh vực phối hợp. Tuy nhiên, giải pháp này sẽ phát sinh chi phí cho việc xây dựng văn bản quy phạm pháp luật mới (như đã phân tích tại Chính sách 1).

**b) Tác động về xã hội:**

**\* Đối với nhà nước:**

Xác lập cơ sở pháp lý để tạo sự chủ động trong công tác phối hợp, liên kết Vùng giữa các tỉnh, thành phố trong vùng với nhau hoặc với các cơ quan trung ương. Qua đó, góp phần điều phối, chia sẻ nguồn lực chung cho các hoạt động toàn diện về kinh tế, xã hội, môi trường giữa các tỉnh, thành phố trong Vùng Thủ đô, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của các địa phương thuộc Vùng.

**\* Đối với người dân, doanh nghiệp:**

- Người dân được sống trong môi trường đầy đủ, lành mạnh, được đáp ứng các nhu cầu vật chất và tinh thần, được lựa chọn công việc phù hợp ngay tại địa phương mà không phải di dân đến các thành phố lớn.

- Các doanh nghiệp xác định được ưu điểm, thế mạnh của từng địa phương, các Chương trình, kế hoạch phối hợp chia sẻ nguồn lực giữa các địa phương để lựa chọn phương án đầu tư, kinh doanh phù hợp.

**c) Tác động thủ tục hành chính:** Giải pháp này không phát sinh các vấn đề liên quan đến thủ tục hành chính.

**d) Tác động về giới:** Giải pháp này không phát sinh các vấn đề về giới.

**đ) Tác động đối với hệ thống pháp luật:**

- Bảo đảm phù hợp với quy định tại Luật Thủ đô; Quyết định số 768/QĐ-TTg ngày 06/5/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch xây dựng Vùng Thủ đô Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050;....

- Tạo cơ sở pháp lý để các tỉnh, thành phố trong Vùng phối hợp hiệu quả với nhau hoặc với các cơ quan trung ương để thực hiện tốt nhiệm vụ của mình.

**2.4.3. Giải pháp 3:**

Giải pháp này có tác động về kinh tế, xã hội, giới, thủ tục hành chính tương tự Giải pháp 2. Riêng tác động đối với hệ thống pháp luật, Giải pháp 3 chưa bảo đảm tính bao quát, dẫn đến việc áp dụng pháp luật thiếu thống nhất và chưa hiệu quả.

**2.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn:**

- Trên cơ sở phân tích, đánh giá tác động các giải pháp, Bộ Kế hoạch và Đầu tư kiến nghị lựa chọn Giải pháp 2.

- Thẩm quyền ban hành chính sách là Chính phủ.

### **3. Chính sách 3: Hoàn thiện các quy định về ưu tiên đầu tư cho các công trình hạ tầng kinh tế - xã hội trọng điểm và tổ chức điều phối Vùng Thủ đô**

#### **3.1. Xác định vấn đề bất cập:**

Khoản 3 Điều 4 Luật Thủ đô quy định “*Nhà nước ưu tiên và có chính sách thu hút các nguồn lực để phát huy tiềm năng, thế mạnh của Thủ đô, Vùng Thủ đô nhằm xây dựng và phát triển bảo vệ Thủ đô*”. Tại Quyết định số 768/QĐ-TTg ngày 06/5/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh quy hoạch xây dựng vùng Thủ đô Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050 đã đưa ra giải pháp tập trung ưu tiên đầu tư các dự án có vai trò tạo động lực kinh tế - xã hội cho vùng và các tỉnh trong Vùng theo một số lĩnh vực cụ thể về hạ tầng kỹ thuật, xã hội, thương mại – dịch vụ, nông nghiệp và phát triển nông thôn và ban hành Danh mục các dự án ưu tiên đầu tư trong Quy hoạch xây dựng Vùng Thủ đô Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050 để các tỉnh, thành phố trong Vùng và các Bộ, cơ quan liên quan làm cơ sở phối hợp thực hiện. Tuy nhiên hiện nay, nhiều các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan như: Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, các văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực đất đai,... có sự thay đổi, do đó cần phải có những quy định về ưu đãi và thu hút đầu tư mang tính ổn định và có giá trị pháp lý cao hơn để tạo hành lang pháp lý đầy đủ cho các tỉnh, thành phố trong Vùng Thủ đô trong việc ưu tiên đầu tư các dự án trọng điểm để phát triển kinh tế - xã hội của Vùng nhanh, bền vững.

Tại khoản khoản 1 Điều 23 Luật Thủ đô giao Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ quy định cơ chế phối hợp giữa các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trong Vùng Thủ đô để thi hành các quy định của pháp luật về Thủ đô. Tuy nhiên, để thực hiện cơ chế phối hợp cần thiết phải có tổ chức điều phối Vùng Thủ đô. Hiện nay, quy định về tổ chức điều phối Vùng mới được quy định tại Quyết định số 941/QĐ-TTg ngày 25/6/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Tổ chức điều phối phát triển các vùng kinh tế trọng điểm giai đoạn 2015-2020; Quyết định số 2059/QĐ-TTg ngày 24/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ về thành lập Ban chỉ đạo, Hội đồng vùng kinh tế trọng điểm giai đoạn 2015-2020; Quyết định số 2360/QĐ-TTg ngày 22/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ về quy chế tổ chức hoạt động và phối hợp của Tổ chức điều phối phát triển các vùng kinh tế trọng điểm giai đoạn 2015-2020 mà chưa có văn bản nào có nội dung quy định về tổ chức điều phối Vùng Thủ đô.

#### **3.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề:**

- Xây dựng chế độ, chính sách ưu đãi đầu tư để thu hút đầu tư vào các dự án trọng điểm để phát triển kinh tế - xã hội của Vùng nhanh, bền vững, phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ xây dựng, phát triển Vùng Thủ đô.

- Quy định các chính sách ưu tiên huy động nguồn vốn đầu tư bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ trong hệ thống pháp luật hiện hành.

- Quy định tổ chức điều phối Vùng Thủ đô để thực hiện chức năng giúp Thủ tướng Chính phủ điều phối, kiểm tra, giám sát thực hiện các hoạt động trong lĩnh vực, nội dung phối hợp của Vùng Thủ đô.

### **3.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề:**

**3.3.1. Giải pháp 1:** Giữ nguyên hiện trạng.

**3.3.2. Giải pháp 2:**

- Quy định các công trình hạ tầng kinh tế - xã hội trọng điểm cụ thể về hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, thương mại - dịch vụ, nông nghiệp - nông thôn; để phù hợp với yêu cầu phát triển của các địa phương trong Vùng trong từng thời kỳ, Thủ tướng Chính phủ sẽ quyết định các công trình hạ tầng kinh tế - xã hội trọng điểm của Vùng.

- Quy định các hình thức ưu tiên huy động nguồn vốn đầu tư cho các công trình hạ tầng kinh tế, xã hội trọng điểm của Vùng gồm: (1) Ngân sách trung ương hỗ trợ một phần cho các tỉnh, thành phố để thực hiện công tác bồi thường giải phóng mặt bằng, tái định cư, một số hạng mục đầu tư của các công trình, dự án hạ tầng kinh tế - xã hội trọng điểm của vùng; (2) Huy động nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức, vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài để thực hiện các công trình, dự án hạ tầng kinh tế - xã hội trọng điểm của vùng; (3) Các tỉnh, thành phố bố trí ngân sách địa phương để triển khai thực hiện các công trình, dự án hạ tầng kinh tế - xã hội trọng điểm của vùng trên địa bàn của mình; (4) Tổng hợp các công trình, dự án hạ tầng kinh tế - xã hội trọng điểm của vùng vào danh mục dự án kêu gọi đầu tư của các chương trình xúc tiến đầu tư quốc gia; (5) Bố trí nguồn vốn để thực hiện công tác chuẩn bị đầu tư theo hình thức hợp tác công - tư (PPP) cho các công trình, dự án hạ tầng kinh tế - xã hội trọng điểm của vùng; (6) Miễn tiền thuê đất cho toàn bộ thời gian của dự án đối với các công trình, dự án trọng điểm của vùng thuộc lĩnh vực y tế, quản lý và bảo vệ môi trường được đầu tư từ nguồn vốn xã hội hóa.

- Nhằm đổi mới cơ chế điều phối vùng, thúc đẩy phát triển bền vững vùng Thủ đô, cần thiết xây dựng quy định về cơ cấu tổ chức điều phối Vùng Thủ đô trên cơ sở áp dụng mô hình của Hội đồng điều phối Vùng Đồng bằng sông Cửu Long giai đoạn 2020-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ ban hành tại Quyết định số 825/QĐ-TTg ngày 12/6/2020. Chính phủ giao Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập và ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng điều phối vùng Thủ đô.

### **3.4. Đánh giá tác động của các giải pháp:**

**3.4.1. Giải pháp 1:**

**a) Tác động về kinh tế:**

Giải pháp này chủ yếu tác động về kinh tế với Nhà nước.

\* *Về lợi ích:* Giải pháp này không phát sinh chi phí mới để thực hiện.

\* *Chi phí:*

- Giải pháp này sẽ không có cơ chế để huy động nguồn vốn đầu tư đối với các dự án, công trình hạ tầng kinh tế - xã hội trọng điểm của Vùng, từ đó cũng ảnh hưởng tiêu cực đến hiệu quả hoạt động xây dựng, phát triển cơ sở hạ tầng của Vùng.

- Giải pháp này không hình thành tổ chức điều phối Vùng Thủ đô, do đó không phát sinh chi phí cho tổ chức, hoạt động.

**b) Tác động về xã hội:**

\* *Đối với nhà nước:*

- Giải pháp này không làm tăng hoặc giảm đội ngũ cán bộ nhà nước trong bộ máy quản lý.

- Giải pháp này không giải quyết được các vấn đề còn tồn tại đang được đặt ra ở trên: về cơ chế quản lý, cơ chế giám sát, và cơ chế điều tiết của Nhà nước đối với hoạt động của Vùng Thủ đô.

\* *Đối với người dân, doanh nghiệp:*

Giải pháp này sẽ không có cơ chế để huy động nguồn vốn đầu tư cho các dự án, công trình hạ tầng kinh tế - xã hội trọng điểm của Vùng Thủ đô. Thông qua đó, người dân, doanh nghiệp ở các tỉnh, thành phố thuộc Vùng Thủ đô sẽ bị ảnh hưởng tiêu cực về xã hội theo hướng, người dân, doanh nghiệp sẽ bị hạn chế các điều kiện, cơ hội tiếp cận vấn đề việc làm, sức khỏe, môi trường, y tế, giáo dục, thương mại, dịch vụ, khoa học công nghệ,...

**c) Tác động thủ tục hành chính:** Giải pháp này không phát sinh các vấn đề liên quan đến thủ tục hành chính.

**d) Tác động về giới:** Giải pháp này không phát sinh các vấn đề về giới.

**đ) Tác động đối với hệ thống pháp luật:**

- Tác động tới bộ máy nhà nước: Giải pháp này không tác động tới bộ máy nhà nước.

- Phù hợp với hệ thống pháp luật: Giải pháp này về cơ bản phù hợp với quy định của pháp luật có liên quan như: Luật Tổ chức Chính phủ, Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Luật Đầu tư công, Luật đầu tư,... tuy nhiên thiếu cơ chế pháp lý cho việc thu hút vốn đầu tư đối với các dự án hạ tầng kinh tế - kỹ thuật trọng điểm của Vùng Thủ đô; không có cơ chế cho việc điều tiết hoạt động Vùng, việc quản lý thực hiện theo quy định hiện hành sẽ không đảm bảo tính linh hoạt, kịp thời.

- Tương thích với điều ước quốc tế: Giải pháp này không ảnh hưởng đến các cam kết quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

### **3.4.2. Giải pháp 2**

#### **a) Tác động về kinh tế**

Giải pháp này chủ yếu tác động về kinh tế với Nhà nước, thông qua các chi phí thực hiện sau:

- Giải pháp này sẽ phát sinh chi phí để xây dựng Nghị định quy định cơ chế phối hợp giữa các tỉnh, thành phố trong vùng Thủ đô để thi hành các quy định của pháp luật về Thủ đô và các văn bản quy phạm pháp luật liên quan (như đã tính toán cụ thể tại phần tác động về kinh tế của Giải pháp 2, Chính sách 1).

- Giải pháp này sẽ tạo cơ chế để bảo đảm tính khả thi trong việc huy động nguồn vốn cho các dự án đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng kinh tế - xã hội trọng điểm. Tuy nhiên, giải pháp này sẽ ảnh hưởng các chi phí gồm: nguồn ngân sách nhà nước từ trung ương hỗ trợ, tiền thuê đất dự kiến được miễn giảm

- Giải pháp này sẽ phát sinh chi phí cho việc tổ chức điều phối Vùng Thủ đô, mặc dù không phát sinh thêm biên chế và sử dụng biên chế kiêm nhiệm tuy nhiên ngân sách sẽ phải chi chế độ phụ cấp kiêm nhiệm đối với các cán bộ, công chức làm công tác kiêm nhiệm theo quy định hiện hành.

#### **b) Tác động về xã hội**

*\* Đối với nhà nước:*

- Trong việc xác định các dự án hạ tầng kinh tế - xã hội trọng điểm và các chính sách ưu đãi thu hút đầu tư sẽ mang lại các giá trị lợi ích như:

+ Về việc thu hút vốn đầu tư cho các dự án hạ tầng kinh tế - xã hội trọng điểm của Vùng Thủ đô sẽ đẩy nhanh tiến độ cho việc xây dựng, hoàn thiện cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội của Vùng. Các dự án trọng điểm cần nhiều vốn ngoài nguồn vốn từ ngân sách sẽ huy động được các nguồn vốn khác, đảm bảo cho việc đầu tư xây dựng được thông suốt.

+ Huy động ở mức cao nhất các nguồn lực đầu tư từ ngân sách Trung ương, của các thành phần kinh tế, vốn đầu tư nước ngoài và của toàn xã hội để đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội trọng điểm như: hoàn thiện cơ chế, chính sách thu hút đầu tư; đẩy mạnh cải cách hành chính cải thiện môi trường đầu tư; đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động xúc tiến đầu tư; phối hợp với các bộ, ngành Trung ương, huy động tham gia của các doanh nghiệp thu hút mọi nguồn lực cho đầu tư phát triển; tăng cường công tác quản lý Nhà nước về đầu tư xây dựng; thực hiện nghiêm công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát đối với các hoạt động đầu tư. Đồng thời sắp xếp thứ tự ưu tiên các dự án để bố trí nguồn lực đầu tư dứt điểm, sớm đưa công trình vào khai thác, sử dụng phát huy hiệu quả, tránh đầu tư dàn trải.

+ Thông qua hình thức đầu tư nhà nước và doanh nghiệp cùng làm góp phần củng cố niềm tin cho các doanh nghiệp và nhà đầu tư trong và ngoài nước.

- Xây dựng tổ chức điều phối Vùng Thủ đô trên cơ sở vận dụng mô hình của Hội đồng điều phối Vùng Đồng bằng sông Cửu Long có ưu điểm:

+ Tiếp tục kế thừa những ưu điểm của 2 mô hình điều phối vùng hiện nay, khắc phục những hạn chế, bất cập của mô hình cũ để xây dựng mô hình điều phối phù hợp hơn hiện nay.

+ Chức năng của Hội đồng điều phối vùng rõ ràng hơn, Phó Thủ tướng Chính phủ là Chủ tịch Hội đồng điều phối vùng và Thường trực Hội đồng điều phối xử lý các công việc thường xuyên và có tiếng nói quyết định trong các vấn đề liên vùng.

+ Trách nhiệm của từng thành viên trong Hội đồng được quy định rõ ràng hơn về cơ chế phối hợp, triển khai công việc, phối hợp với Văn phòng Hội đồng vùng, Các Bộ, ngành, địa phương.

*\* Đối với người dân, doanh nghiệp:*

- Giải pháp này sẽ tạo cơ chế để bảo đảm tính khả thi trong việc huy động các nguồn vốn cho việc thực hiện các công trình, dự án hạ tầng kinh tế - xã hội trọng điểm.

- Được tham gia đầu tư, xây dựng các dự án trọng điểm và được hỗ trợ, ưu đãi từ Nhà nước.

- Người dân thuộc Vùng Thủ đô được thụ hưởng cơ sở hạ tầng thiết yếu với chất lượng tốt trong thời gian ngắn.

**c) Tác động thủ tục hành chính:** Giải pháp này không phát sinh các vấn đề liên quan đến thủ tục hành chính.

**d) Tác động về giới:** Giải pháp này không phát sinh các vấn đề về giới.

**đ) Tác động đối với hệ thống pháp luật:**

- Tác động tới bộ máy nhà nước: Giải pháp này không tác động tới bộ máy nhà nước, không lập ra cấp quản lý hành chính trung gian, không tạo ra bộ máy tổ chức, biên chế mới, sử dụng bộ máy và công chức hiện có.

- Phù hợp với hệ thống pháp luật: Phù hợp với chủ trương của Đảng, quy định của Hiến pháp và các luật có liên quan như: Luật Đất đai, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư, Luật Tổ chức Chính phủ, Luật Tổ chức chính quyền địa phương.

- Tương thích với điều ước quốc tế: Giải pháp này không ảnh hưởng đến các cam kết quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

### **3.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn**

- Trên cơ sở phân tích, đánh giá tác động các giải pháp, Bộ Kế hoạch và Đầu tư kiến nghị lựa chọn Giải pháp 2.

- Thẩm quyền ban hành chính sách là Chính phủ.

#### **4. Chính sách 4: Hoàn thiện các quy định về quản lý nhà nước đối với Vùng Thủ đô**

##### **4.1. Xác định vấn đề bất cập:**

Cơ chế phối hợp giữa các bộ, ngành ở Trung ương và các địa phương trong Vùng Thủ đô thời gian qua chưa được quy định cụ thể, rõ ràng. Trách nhiệm quản lý nhà nước mới chỉ được nêu tại một số Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ về Vùng Kinh tế trọng điểm, như Chỉ thị số 25/CT-TTg ngày 11/10/2019 về các giải pháp thúc đẩy tăng trưởng và phát triển bền vững Vùng Kinh tế trọng Bắc Bộ,...Do đó trong thời gian qua chưa có sự phối hợp chặt chẽ trong công tác quản lý, phát triển Vùng Thủ đô, công tác quản lý nhà nước của các bộ, ngành, tỉnh, thành phố thuộc Vùng Thủ đô chưa phát huy được hết chức năng, nhiệm vụ của mình trong việc quản lý, điều phối, xây dựng các chính sách.

##### **4.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề:**

- Hoàn thiện quy định của pháp luật hiện hành về trách nhiệm, thẩm quyền quản lý nhà nước đối với Vùng Thủ đô theo hướng trách trung lập, đẩy mạnh phân cấp cho bộ, ngành, địa phương thuộc Vùng Thủ đô.

- Nâng cao trách nhiệm của các cơ quan cấp bộ, ngành, địa phương địa phương thuộc Vùng Thủ đô trong hoạt động phối hợp quản lý đối với Vùng Thủ đô.

##### **4.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề:**

###### **4.3.1. Giải pháp 1:** Giữ nguyên hiện trạng

**4.3.2. Giải pháp 2:** Quy định thẩm quyền, trách nhiệm và phạm vi quản lý đối với Vùng Thủ đô theo lĩnh vực quản lý nhà nước của các bộ, ngành có liên quan; thẩm quyền của các bộ, ngành trung ương; thẩm quyền của chính quyền địa phương; trách nhiệm phối hợp trong các trường hợp cụ thể để tránh tình trạng buông lỏng trách nhiệm quản lý và phối hợp giữa các cơ quan có thẩm quyền.

##### **4.4. Đánh giá tác động của các giải pháp**

###### **4.4.1. Giải pháp 1**

###### **a) Tác động kinh tế**

Giải pháp này không phát sinh chi phí mới để thực hiện.

###### **b) Tác động xã hội**

\* *Đối với nhà nước:*

- Công tác quản lý, phối hợp quản lý không đạt được hiệu quả như mong muốn, dẫn tới việc giảm khả năng hoàn thành mục tiêu kinh tế - chính trị đã đặt ra.



**\* Đối với người dân:**

- Công tác phối hợp giữa các bộ, ngành với nhau và với các tỉnh, thành phố thuộc Vùng Thủ đô chưa chặt chẽ nên vẫn còn lúng túng trong việc chỉ đạo, phối hợp nên việc triển khai thực hiện, thực hiện các chính sách phát triển Vùng Thủ đô thời gian qua còn hạn chế, điều này phần nào tác động đến đời sống của nhân dân Vùng Thủ đô.

**c) Tác động thủ tục hành chính:** Giải pháp này không phát sinh các vấn đề về thủ tục hành chính.

**d) Tác động về giới:** Giải pháp này không phát sinh các vấn đề về giới.

**đ) Tác động đối với hệ thống pháp luật:**

- Tác động tới bộ máy nhà nước: Giải pháp này không tác động tới bộ máy nhà nước.

- Tác động đến quyền cơ bản của công dân: Giải pháp này sẽ góp phần thực hiện tốt hơn quyền cơ bản của công dân như quyền làm việc, quyền sống, quyền được bảo đảm an sinh xã hội...

- Phù hợp với hệ thống pháp luật: Giải pháp này không ảnh hưởng đến tính đồng bộ, thống nhất của hệ thống pháp luật.

- Tương thích với điều ước quốc tế: Giải pháp này không ảnh hưởng đến các cam kết quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

**4.4.2. Giải pháp 2:**

**a) Tác động kinh tế:**

- Giải pháp này không phát sinh chi phí mới để thực hiện

- Giải pháp này sẽ phát sinh chi phí để xây dựng Nghị định Quy định về cơ chế phối hợp giữa các tỉnh, thành phố trong vùng Thủ đô để thi hành các quy định của pháp luật về Thủ đô và các văn bản quy phạm pháp luật liên quan (như đã tính toán cụ thể tại phần tác động về kinh tế của Giải pháp 2, Chính sách 1). Tuy nhiên, với việc quy định rõ trách nhiệm của các cơ quan thì những bất cập liên quan đến phân cấp quản lý giữa ngành dọc và cơ chế phối hợp giữa cơ quan quản lý ngành dọc và cơ quan quản lý địa phương sẽ được gỡ bỏ. Theo đó, các thủ tục hành chính sẽ được loại bỏ dẫn tới giảm chi phí tuân thủ các thủ tục hành chính (nếu có).

**b) Tác động xã hội:**

- Giải pháp này sẽ giải quyết được những bất cập liên quan đến công tác phối hợp giữa các cơ quan quản lý ngành dọc và cơ quan quản lý địa phương. Do vậy sẽ tăng sự chịu trách nhiệm trước mỗi quyết định, đảm bảo sự minh bạch hơn trong công tác phối hợp và trong việc xây dựng, quản lý Vùng Thủ đô, qua đó tạo niềm tin của nhân dân vào cơ quan nhà nước.

- Thống nhất cơ chế quản lý, trách nhiệm của các cơ quan trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ của các bộ, ngành, đảm bảo hiệu lực, hiệu quả của bộ máy nhà nước, tránh chồng chéo, trùng lặp về thẩm quyền giữa các cơ quan nhà nước theo cả chiều dọc và chiều ngang.

**c) Tác động thủ tục hành chính:** Giải pháp này không phát sinh mới thủ tục hành chính.

**d) Tác động về giới:** Giải pháp này không phát sinh các vấn đề về giới.

**đ) Tác động đối với hệ thống pháp luật**

- Tác động tới bộ máy nhà nước: Giải pháp này không tác động tới bộ máy nhà nước.

- Tác động đến quyền cơ bản của công dân: Giải pháp này sẽ góp phần thực hiện tốt hơn quyền cơ bản của công dân như quyền làm việc, quyền sống, quyền được bảo đảm an sinh xã hội...

- Phù hợp với hệ thống pháp luật: Giải pháp này không ảnh hưởng đến tính đồng bộ, thống nhất của hệ thống pháp luật.

- Tương thích với điều ước quốc tế: Giải pháp này không ảnh hưởng đến các cam kết quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

#### **4.5. Kiến nghị lựa chọn giải pháp**

- Trên cơ sở phân tích, đánh giá tác động các giải pháp, Bộ Kế hoạch và Đầu tư kiến nghị lựa chọn Giải pháp 2.

- Thẩm quyền ban hành chính sách là Chính phủ.

### **III. LẤY Ý KIẾN**

Quá trình đánh giá tác động Dự thảo Nghị định của Chính phủ Quy định cơ chế phối hợp giữa các tỉnh, thành phố trong vùng Thủ đô để thi hành các quy định của pháp luật về Thủ đô, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã tổ chức lấy ý kiến các bộ, cơ quan ngang bộ và các tỉnh, thành phố trong Vùng Thủ đô, đồng thời triển khai các hoạt động khảo sát, lấy ý kiến rộng rãi về các chính sách trong Dự thảo.

Lấy ý kiến và tổng hợp tiếp thu, giải trình ý kiến tham gia của các Bộ, cơ quan có liên quan (Tài chính; Giao thông vận tải; Khoa học và Công nghệ; Thông tin và truyền thông; Ngoại giao; Giáo dục và đào tạo; Ngân hàng Nhà nước; Lao động – Thương binh và Xã hội; Công an; Quốc phòng; Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Tài nguyên và Môi trường; Tư pháp; Xây dựng; Nội vụ; Công Thương; Văn hóa, Thể thao và Du lịch) và 10 tỉnh, thành phố (Hà Nội, Hải Dương, Hưng Yên, Vĩnh Phúc, Bắc Ninh, Hà Nam, Thái Nguyên, Phú Thọ, Bắc Giang, Hòa Bình); đăng tải trên Cổng thông tin điện tử Chính phủ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, xin ý kiến các cơ quan, tổ chức đảm bảo tính thống nhất, phù hợp

trong hệ thống pháp luật Việt Nam, tính minh bạch, khách quan, khả thi của các quy định trong Dự thảo Nghị định.

#### **IV. GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ**

Sau khi Nghị định nay được ban hành, Thủ tướng Chính phủ, các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trong vùng Thủ đô và các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm tổ chức thi hành các chính sách này./.

#### **V. KẾT LUẬN CHUNG**

Kết quả của việc đánh giá tác động các chính sách đề xuất được phân tích và trình bày theo phương án được lựa chọn quy định trong dự thảo Nghị quyết, nhưng điều này không có nghĩa là các vấn đề được đánh giá trên không có mối liên hệ với nhau. Trên thực tế, các phương án đều dựa trên giả thiết rằng đã lựa chọn phương án tốt nhất cho các vấn đề khác nhau.

Dự thảo Nghị định không những đã đề xuất các chính sách nhằm khắc phục được những hạn chế, bất cập hiện nay trước bối cảnh thách thức của yêu cầu phát triển nhanh và bền vững, của quá trình hội nhập cạnh tranh quốc tế, các thách thức về hạ tầng kỹ thuật, giao thông, đô thị, môi trường, dân số,...mà còn trong việc liên kết giữa các địa phương trong vùng Thủ đô, giữa Thủ đô Hà Nội và các địa phương trong vùng để thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của Thủ đô Hà Nội nói riêng và các địa phương trong vùng nói chung./.

#### **Nơi nhận:**

- Văn phòng Chính phủ (để b/c TTgCP);
- Bộ Tư pháp (Gửi kèm Hồ sơ để thẩm định);
- Lưu: VT, KTĐPLT.

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**

**Trần Quốc Phương**

**PHỤ LỤC**  
**TỔNG HỢP VÀ GIẢI TRÌNH CÁC Ý KIẾN THAM GIA CỦA CÁC BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG**

STT	NỘI DUNG GÓP Ý	CƠ QUAN GÓP Ý	TIẾP THU / GIẢI TRÌNH
<b>I</b>	<b>Dự thảo tờ trình</b>		
1	- Đề nghị nghiên cứu gộp nội dung phần I, II, III của dự thảo Tờ trình vào sự cần thiết ban hành Nghị định để đảm bảo sự ngắn gọn, đầy đủ, đúng theo hướng dẫn tại Mẫu số 03 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật	Bộ Tư pháp 188/BTP- VĐCXDPL 16/01/2020	Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã tiếp thu, chỉnh sửa
2	- Khoản 3 (phần III) về kết quả thực hiện phối hợp liên kết vùng thời gian qua ở Việt Nam: Đề nghị cân nhắc và tập trung hơn vào đánh giá kết quả phối hợp giữa các tỉnh/thành phố vùng Thủ đô (thay vì chỉ đánh giá phối hợp liên kết Vùng Đồng bằng sông Cửu Long và các vùng Kinh tế trọng điểm), chỉ ra những nguyên nhân, bất cập hiện nay trong công tác phối hợp liên kết vùng thủ đô	Bộ Tài chính 2018/BTC-NSNN 26/02/2020; Viện NCQLKTTW 22/QLKTTW-TH 8/01/2020	Đề nghị giữ nguyên như Dự thảo Nghị định vì: Vùng Thủ đô mới chỉ có Quyết định số 768/QĐ-TTg ngày 06 tháng 5 năm 2016 về Quy hoạch vùng Thủ đô đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050 nhưng chưa có quy định về phối hợp, liên kết nên chưa thể đánh giá
3	- Điểm a, Mục 2.2, trang 8 đề nghị chỉnh sửa đoạn 'Dựa trên đặc điểm về địa hình, đất đai, văn hóa và điều kiện thực tế của từng tỉnh, thành phố trong Vùng Thủ đô' thành 'Dựa trên đặc điểm về địa hình, đất đai, văn hóa và điều kiện thực tế và đảm bảo hài hòa lợi ích của các địa phương trong Vùng Thủ đô'	Hà Nam 49/SKHĐT- THQH 14/01/2020	Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã tiếp thu, chỉnh sửa
4	Về quá trình xây dựng dự thảo Nghị định, cần làm rõ việc đăng tải dự thảo Nghị định và các tài liệu có liên quan trên Cổng thông tin điện tử của Chính phủ và cổng thông tin điện tử của cơ quan chủ trì soạn thảo theo quy định tại điểm c Khoản 2 Điều 90 của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật.	Bộ TNMT 944/BTNMT- KHTC 28/02/2020	Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã tiếp thu

STT	NỘI DUNG GÓP Ý	CƠ QUAN GÓP Ý	TIẾP THU / GIẢI TRÌNH
4	- Khoản 3 (Phần III) đề nghị đánh giá cụ thể các tồn tại, bất cập của cơ chế điều phối hiện nay, cũng như cơ chế điều phối Vùng Đồng bằng sông Cửu Long (trang 5 Tờ trình xác định mô hình Hội đồng Vùng đồng bằng sông Cửu Long là mô hình tham khảo để xây dựng tổ chức điều phối cho Vùng Thủ đô) làm cơ sở để xây dựng các quy định trong Nghị định, đảm bảo khắc phục được các tồn tại như hiện nay	Bộ GTVT 1375/BGTVT- KHĐT 15/02/2020	Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã tiếp thu, chỉnh sửa
5	Kết luận số 46-KL/TW ngày 9/4/2019 của Bộ Chính trị đã nêu "có lộ trình sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thủ đô và một số luật khác có liên quan cho phù hợp với tình hình mới"; Văn bản 5580/VPCP-TCCV ngày 25//2019: "Giao Bộ Tư pháp chủ trì, phối hợp với UBND Thành phố Hà Nội và các cơ quan có liên quan nghiên cứu, đề xuất lộ trình sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thủ đô và các luật có liên quan; Xem xét ban hành Nghị định về thí điểm một số cơ chế, tài chính - ngân sách đặc thù đối với thành phố Hà Nội. Đề nghị cân nhắc về thời điểm trình Chính phủ ban hành nghị định để đảm bảo tính đồng bộ khi triển khai thực hiện các quy định của pháp luật về thủ đô	Bộ Nội vụ 2863/BNV-QCĐP 10/6/2020	Đề nghị giữ nguyên như Dự thảo Nghị định vì: (1) Chương trình sửa Luật Thủ đô chưa được Quốc hội phê duyệt; (2) Nghị quyết đặc thù cho thành phố Hà Nội được áp dụng cho riêng Hà Nội, không áp dụng cho Vùng Thủ đô
6	Đánh giá những tồn tại, bất cập của cơ chế điều phối hiện nay	Bộ GTVT 1375/BGTVT- KHĐT 15/02/2020	Đề nghị giữ nguyên như Dự thảo Nghị định vì: tại Tờ trình số 2885/TTr-BKHĐT ngày 04/5/2020 về dự thảo Quyết định thành lập và ban hành quy chế hoạt động của Hội đồng điều phối vùng ĐBSCL giai đoạn 2020-2025, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã có đánh giá những tồn tại, bất cập của cơ chế điều phối hiện nay
7	Hiện nay Bộ KHĐT đang nghiên cứu, báo cáo về việc phân chia vùng trên lãnh thổ Việt Nam giai đoạn 2021-2030 làm cơ sở để lập quy hoạch vùng, đề nghị rà soát sự cần thiết ban hành Nghị định	Bộ GTVT 1375/BGTVT- KHĐT 15/02/2020	Đề nghị giữ nguyên như Dự thảo Nghị định vì: Hiện nay việc phân chia lại vùng trên lãnh thổ Việt Nam chưa được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt
II	Dự thảo Nghị định		

STT	NỘI DUNG GÓP Ý	CƠ QUAN GÓP Ý	TIẾP THU / GIẢI TRÌNH
	<b>Kết cấu dự thảo</b>		
1	<p>- Đề nghị sắp xếp lại kết cấu Dự thảo như sau:</p> <p>+ Chương I (Những quy định chung), gồm 04 điều quy định về: Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng; giải thích từ ngữ; nguyên tắc phối hợp</p> <p>+ Chương II (Nội dung các lĩnh vực phối hợp trọng tâm), gồm các Điều từ Điều 5 đến Điều 10</p> <p>+ Chương III (Chính sách ưu tiên đầu tư cho các công trình hạ tầng kinh tế - xã hội trọng điểm), gồm các Điều 11, Điều 12</p> <p>+ Chương IV (Tổ chức điều phối Vùng thủ đô và trách nhiệm quản lý nhà nước), gồm các Điều từ Điều 13 đến Điều 20</p>	Bắc Ninh 45/KH-THQH 9/01/2020	Đề nghị giữ nguyên như Dự thảo Nghị định vì: kết cấu của Dự thảo đáp ứng theo yêu cầu của quy định hiện hành đối với văn bản QPPL. Bên cạnh đó, việc kết cấu như Dự thảo được phân chia các nội dung theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định số 373/QĐ-TTg ngày 05/4/2019
	<b>Căn cứ pháp lý</b>		
1	- Một số văn bản như Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015, Luật Đầu tư công năm 2014 ... đã được sửa đổi, bổ sung, cần rà soát, cập nhật, chỉnh lý cho chính xác	Bộ Công an 253/BCA-V03 22/01/2020; Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn 950/BNN-KH 11/02/2020	Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã tiếp thu và chỉnh sửa
	<b>Điều 1</b>		

STT	NỘI DUNG GÓP Ý	CƠ QUAN GÓP Ý	TIẾP THU / GIẢI TRÌNH
1	<p>- Dự thảo Nghị định tại Khoản 1 Điều 1: ' Nghị định này quy định cơ chế phối hợp giữa các tỉnh, thành phố trong Vùng Thủ đô, trách nhiệm của các Bộ, ngành và các cơ quan, tổ chức trong việc phối hợp thực hiện các quy định của pháp luật về Thủ đô; <i>cơ chế, chính sách ưu tiên đầu tư các công trình hạ tầng kinh tế - xã hội trọng điểm của Vùng thủ đô</i>.'</p> <p>'- Khoản 1 Điều 23 Luật Thủ đô quy định: 'Chính phủ chỉ đạo các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương phối hợp với Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội triển khai thực hiện các quy định của pháp luật về Thủ đô; <i>quy định cơ chế phối hợp giữa các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trong Vùng Thủ đô để thi hành các quy định của pháp luật về Thủ đô</i>'</p> <p>'- Như vậy, dự thảo Nghị định dự kiến quy định một số nội dung nằm ngoài phạm vi được Luật Thủ đô quy định chi tiết. Đề nghị làm rõ vấn đề này</p>	<p>Bộ KH&amp;CN 81/BKH&amp;CN-ĐP 14/01/2020</p>	<p>Đề nghị giữ nguyên như Dự thảo Nghị định vì: Từ Điều 8 đến Điều 21 Luật Thủ đô đã đề cập tới chính sách xây dựng, phát triển và quản lý Thủ đô; Điều 22 đến Điều 25 đã đề cập tới trách nhiệm xây dựng, phát triển và quản lý Thủ đô. Theo đó đã có các cơ chế, chính sách như dự thảo Nghị định đề xuất. Bên cạnh đó, tại Quyết định số 373/QĐ-TTg, Thủ tướng Chính phủ giao Bộ Kế hoạch và Đầu tư xây dựng Nghị định về cơ chế phối hợp giữa các tỉnh trong vùng Thủ đô, trong đó có cơ chế, chính sách ưu tiên đầu tư các công trình hạ tầng kinh tế - xã hội trọng điểm của Vùng thủ đô</p>
	<p><b>Điều 3</b></p>		
1	<p>- Đề nghị giải thích thuật ngữ 'chương trình, dự án liên kết vùng' chi tiết hơn để dễ triển khai thực hiện sau này, cụ thể (1) đề nghị xác định rõ 'địa phương' là chỉ đơn vị hành chính cấp tỉnh, cấp huyện hay cấp xã; (2) yếu tố 'có tác động đến ít nhất một địa phương khác trong Vùng' được xác định như thế nào</p>	<p>Bộ Ngoại giao 168/BNG-LPQT 16/01/2020; Viện CLPT</p>	<p>Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã tiếp thu và chỉnh sửa</p>
2	<p>- Đề nghị cân nhắc làm rõ hơn cụm từ 'có tác động ít nhất một địa phương khác trong Vùng' để tránh gây tranh luận khi xác định các chương trình, dự án liên kết vùng</p>	<p>Bộ Nông nghiệp và PTNT 950/BNN-KH 11/02/2020</p>	<p>Đề nghị giữ nguyên như Dự thảo Nghị định vì: tại Điều 3 và Điều 10 Dự thảo đã quy định rõ</p>
3	<p>- Không nên quy định thành một điều vì chỉ giải thích một nội dung về chương trình, dự án liên kết Vùng, có thể chuyên nội dung này xuống Chương II dự thảo Nghị quyết về cơ chế phối hợp cho phù hợp hơn</p>	<p>Bộ Công an 253/BCA-V03 22/01/2020</p>	<p>Đề nghị giữ nguyên như Dự thảo Nghị định vì: cần có Điều khoản riêng để quy định cụ thể để giải thích từ ngữ theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật</p>

STT	NỘI DUNG GÓP Ý	CƠ QUAN GÓP Ý	TIẾP THU / GIẢI TRÌNH
4	<p>- Điều 3 quy định dự án liên kết là dự án trên địa bàn một địa phương nhưng lại có tác động ít nhất đến một địa phương khác trong vùng mà không có quy định cụ thể sẽ gây khó khăn, phát sinh thủ tục trong quá trình thực hiện do phải xin ý kiến nhiều cơ quan; đồng thời đề nghị nghiên cứu quy định dự án liên kết vùng chỉ áp dụng cho các công trình giao thông địa phương quản lý (các tuyến tỉnh, các tuyến trục kết nối 2 tỉnh, các công trình cầu, ...), không áp dụng cho các công trình do trung ương quản lý như các tuyến quốc lộ, cao tốc,...</p> <p>'- Theo điểm g, Điều 26 Luật Quy hoạch về nội dung quy hoạch vùng đã yêu cầu trong quy hoạch cần xác định danh mục, thứ tự ưu tiên thực hiện nên đề nghị đối với các dự án trong phạm vi 01 địa phương chỉ nên khuyến khích, không bắt buộc vì trong quy hoạch vùng đã xác định thứ tự ưu tiên cho các dự án này</p>	<p>Bộ GTVT 1375/BGTVT-KHĐT 15/02/2020</p>	<p>Đề nghị giữ nguyên như Dự thảo Nghị định vì: các nội dung liên kết, phối hợp gồm các chương trình, dự án do trung ương và địa phương thực hiện</p>
	<p><b>Điều 4</b></p>		
1	<p>- Khoản 2 Điều 4 đề nghị làm rõ lĩnh vực phối hợp là tất cả các lĩnh vực kinh tế - xã hội. Vì vậy, cần nhắc việc xác định thêm các lĩnh vực phối hợp trọng tâm</p>	<p>Bộ Nông nghiệp và PTNT 950/BNN-KH 11/02/2020</p>	<p>Đề nghị giữ nguyên như Dự thảo Nghị định vì: Tại Tờ trình đã giải thích rõ việc lựa chọn các lĩnh vực phối hợp trọng tâm</p>
2	<p>- Khoản 5 Điều 4: 'Đối với các nội dung phối hợp thì việc chủ trì tổ chức thực hiện công tác phối hợp được giao cho Bộ, ngành, địa phương...'. Vấn đề này nên giao cho địa phương chủ trì tổ chức thực hiện công tác phối hợp sẽ bảo đảm tính chủ động, linh hoạt và phù hợp với tình hình thực tiễn của các địa phương. Các Bộ, ngành liên quan chỉ nên đóng vai trò phối hợp</p>	<p>Bộ KH&amp;CN 81/BKHCN-ĐP 14/01/2020</p>	<p>Đề nghị giữ nguyên như Dự thảo Nghị định vì: Theo quy định tại điểm đ Khoản 2 Điều 11 Luật Tổ chức chính quyền địa phương, những vấn đề liên quan đến phạm vi từ hai đơn vị hành chính cấp tỉnh trở lên thì thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan nhà nước ở trung ương, trừ trường hợp Luật, Nghị quyết của Quốc hội, Pháp lệnh, Nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội, Nghị định của Chính phủ có quy định khác.</p>



STT	NỘI DUNG GÓP Ý	CƠ QUAN GÓP Ý	TIẾP THU / GIẢI TRÌNH
3	- Khoản 5 Điều 4: Đề nghị xác định rõ thế nào là 'chịu tác động nhiều nhất' và cơ quan nào có trách nhiệm xác định mức độ này	Bộ Thông tin và truyền thông 109/BTTTT-KHTC 10/01/2020	Đề nghị giữ nguyên như Dự thảo Nghị định vì: xác định theo vai trò của Bộ, ngành hoặc địa phương có mức độ ảnh hưởng lớn nhất trong ngành, lĩnh vực hoặc địa bàn phụ trách
4	- Điều 4 quy định về nguyên tắc phối hợp nhưng lại bao gồm các nội dung về lĩnh vực, hình thức, tổ chức phối hợp, cần phải được tách ra để quy định cho chính xác, phù hợp giữa tên điều và nội dung quy định	Bộ Công an 253/BCA-V03 22/01/2020	Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã tiếp thu và chỉnh sửa
	<b>Điều 5</b>		
1	- Đề nghị cân nhắc bổ sung hợp tác thương mại - đầu tư và kinh tế đối ngoại trong các lĩnh vực phối hợp trọng tâm	Bộ Ngoại giao 168/BNG-LPQT 16/01/2020	Đề nghị giữ nguyên như Dự thảo Nghị định vì: Tại Tờ trình đã giải thích rõ việc lựa chọn các lĩnh vực phối hợp trọng tâm
2	Đề nghị bổ sung nội dung về phát triển hạ tầng thương mại vào Lĩnh vực phối hợp trọng tâm	Bộ Công thương 214/BCT-KH 9/01/2020	Đề nghị giữ nguyên như Dự thảo Nghị định vì: Tại Tờ trình đã giải thích rõ việc lựa chọn các lĩnh vực phối hợp trọng tâm
3	- Đề nghị nghiên cứu bổ sung một số lĩnh vực về du lịch, di sản văn hóa phi vật thể. Vì, thực tế thời gian qua thấy rằng việc phát triển du lịch luôn có tính chất ảnh hưởng trên địa bàn liên tỉnh, nhất là việc phát triển các sản phẩm du lịch, tour tuyến du lịch, khu du lịch...; và có nhiều di sản văn hóa phi vật thể mang đặc trưng chung của vùng Thủ đô do tương đồng văn hóa cần phối hợp bảo tồn, phát huy như Quan họ (Bắc Ninh, Bắc Giang)...	Bộ Văn hóa Thể thao và du lịch 487/BVHTTDL-KHTC 10/02/2020	Đề nghị giữ nguyên như Dự thảo Nghị định vì: Tại Tờ trình đã giải thích rõ việc lựa chọn các lĩnh vực phối hợp trọng tâm
4	- Đề nghị bổ sung lĩnh vực phối hợp trọng tâm là 'Hạ tầng công nghệ thông tin; Cơ sở hạ tầng viễn thông; Xây dựng Chính phủ điện tử' để có chính sách ưu tiên phát triển chung của Vùng Thủ đô	Bộ Thông tin và truyền thông 109/BTTTT-KHTC 10/01/2020	Đề nghị giữ nguyên như Dự thảo Nghị định vì: Tại Tờ trình đã giải thích rõ việc lựa chọn các lĩnh vực phối hợp trọng tâm

STT	NỘI DUNG GÓP Ý	CƠ QUAN GÓP Ý	TIẾP THU / GIẢI TRÌNH
5	- Điều 5, Điều 7, Điều 11 liên quan đến lĩnh vực phối hợp trọng tâm và quy định công trình hạ tầng kinh tế - xã hội trọng điểm, đề nghị rà soát để đảm bảo đồng bộ, tránh việc quy định không thống nhất	Bộ Thông tin và truyền thông 109/BTTTT-KHTC 10/01/2020	Đề nghị giữ nguyên như Dự thảo Nghị định vì: Điều 5 và Điều 7 là quy định cho các lĩnh vực cụ thể mang tính chất chung. Riêng Điều 11 là nêu cụ thể các loại công trình hạ tầng kinh tế - xã hội trọng điểm
6	- Bổ sung lĩnh vực phối hợp trọng tâm là Lĩnh vực phát triển kinh tế - xã hội và Quy hoạch vùng	Phủ Thọ	Đề nghị giữ nguyên như Dự thảo Nghị định vì: Tại Tờ trình đã giải thích rõ việc lựa chọn các lĩnh vực phối hợp trọng tâm
7	Đề nghị cân nhắc, nghiên cứu xếp hạng lĩnh vực ưu tiên phối hợp trọng tâm để làm căn cứ ưu tiên khi xây dựng chương trình, dự án liên kết vùng trong điều kiện nguồn lực còn hạn chế	Bộ Nội vụ 2863/BNV-QCĐP 10/6/2020	Đề nghị giữ nguyên như Dự thảo Nghị định vì: Trong quá trình điều hành quản lý thực tế Hội đồng vùng sẽ căn cứ vào tình hình cụ thể để quyết định việc ưu tiên trọng tâm theo từng thời kỳ
	<b>Điều 6</b>		
1	- Khoản 1 Điều 6, đề nghị rà soát đảm bảo sự thống nhất giữa quy định về nghĩa vụ phối hợp trong xây dựng và tổ chức thực hiện các quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh, thành phố thuộc vùng thủ đô và quy định tại khoản 4, Điều 6 giới hạn việc phối hợp chỉ trong một số lĩnh vực nhất định (kết nối hạ tầng giao thông, hạ tầng thông tin...). Trường hợp đây là các lĩnh vực phối hợp <b>chủ yếu</b> , tương tự như quy định tại Khoản 2, Điều 7 thì đề nghị thể hiện rõ tại Khoản 4, Điều 6	Bộ Ngoại giao 168/BNG-LPQT 16/01/2020	Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã tiếp thu và chỉnh sửa
2	- Khoản 2 Điều 6 quy định các quy hoạch cần lấy ý kiến tham gia của Hội đồng Vùng trước khi trình cấp có thẩm quyền phê duyệt, đề nghị lưu ý tới thực tế có tỉnh, thành phố trong Vùng thủ đô đã đang xây dựng quy hoạch ví dụ quy hoạch tỉnh Hà Nam dự kiến được thẩm định vào ngày 10/01/2020	Bộ Ngoại giao 168/BNG-LPQT 16/01/2020	Đề nghị giữ nguyên như Dự thảo Nghị định vì: Hiệu lực được tính tại thời điểm Nghị định được Chính phủ ban hành. Trước thời điểm đó thực hiện theo quy định hiện hành

STT	NỘI DUNG GÓP Ý	CƠ QUAN GÓP Ý	TIẾP THU / GIẢI TRÌNH
3	- Khoản 2 Điều 6, quy định đối với các quy hoạch cần lấy ý kiến tham gia của Hội đồng vùng thủ đô trước khi cấp có thẩm quyền phê duyệt. Nội dung này cần quy định rõ những loại quy hoạch nào cần lấy ý kiến Hội đồng hay chỉ quy hoạch tỉnh mới thực hiện lấy ý kiến Hội đồng để đảm bảo thời gian theo quy định và quy định thời gian lấy ý kiến - phản hồi ý kiến của Hội đồng đối với quy hoạch cụ thể là bao nhiêu ngày	Phú Thọ	Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã tiếp thu và chỉnh sửa
4	- Khoản 2 Điều 6 yêu cầu các quy hoạch tỉnh và quy hoạch liên quan khác cần lấy ý kiến tham gia của Hội đồng Vùng thủ đô trước khi trình cấp có thẩm quyền phê duyệt. Đề nghị chỉ lấy ý kiến của Hội đồng Vùng thủ đô với những quy hoạch có liên quan đến vùng hoặc từ 2 tỉnh/thành phố trở lên trong vùng	Bộ Nông nghiệp và PTNT 950/BNN-KH 11/02/2020	Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã tiếp thu và chỉnh sửa
5	- Khoản 2 Điều 6, đề nghị làm rõ các quy hoạch cần lấy ý kiến tham gia của Hội đồng vùng Thủ đô trước khi trình cấp có thẩm quyền phê duyệt là các quy hoạch nào. Đồng thời, cần rà soát để đảm bảo sự thống nhất về trình tự lập, thẩm định, phê duyệt các quy hoạch theo đúng quy định của Luật Quy hoạch và các pháp luật chuyên ngành.	Bộ Tài Nguyên và môi trường 944/BTNMT- KHTC 28/02/2020	Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã tiếp thu và chỉnh sửa
6	- Khoản 3 Điều 6, đề nghị bổ sung thêm nội dung in nghiêng 'Các Bộ, ngành, địa phương căn cứ nhiệm vụ được giao tổ chức thực hiện và có trách nhiệm phối hợp trong việc giám sát, kiểm tra thực hiện quy hoạch. <i>Trường hợp trong quá trình thực hiện quy hoạch nếu nhận thấy quy hoạch của tỉnh, thành phố không phù hợp với quy hoạch vùng phải báo cáo Hội đồng vùng thủ đô, cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định'</i>	Hà Nam 49/SKHĐT- THQH 14/01/2020	Đề nghị giữ nguyên như Dự thảo Nghị định vì: Thực hiện theo quy định của Luật Quy hoạch
7	- Khoản 4 Điều 6 Đề nghị nghiên cứu bổ sung quy hoạch khu du lịch vào các lĩnh vực cần phối hợp trong quá trình lập và tổ chức thực hiện để đảm bảo tính liên kết, bổ trợ phát triển nhằm tránh trùng lặp sản phẩm tại các khu du lịch cũng như để đảm bảo thực hiện tốt quy hoạch khu du lịch nằm trên địa bàn của hai địa phương, ví dụ như khu du lịch Tam Đảo (Vĩnh Phúc, Thái Nguyên)...	Bộ Văn hóa Thể thao và du lịch 487/BVHTTDL- KHTC 10/02/2020	Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã tiếp thu và chỉnh sửa

STT	NỘI DUNG GÓP Ý	CƠ QUAN GÓP Ý	TIẾP THU / GIẢI TRÌNH
8	- Khoản 4 Điều 6: Nội dung các lĩnh vực cần phối hợp trong quá trình lập và tổ chức thực hiện quy hoạch phải đồng nhất với Điều 5 (Lĩnh vực phối hợp trọng tâm)	Phú Thọ	Đề nghị giữ nguyên như Dự thảo Nghị định vì: Tại Tờ trình đã giải thích rõ việc lựa chọn các lĩnh vực phối hợp trọng tâm
9	- Điều 6 việc xây dựng và tổ chức thực hiện các quy hoạch của Vùng thủ đô cần phải được quy định rõ hơn về đơn vị chủ trì lập, các địa phương trong Vùng thủ đô tham gia, cơ quan chịu trách nhiệm trình phê duyệt, công bố và phân công trách nhiệm của các địa phương trong Vùng phối hợp thực hiện	Bộ Nông nghiệp và PTNT 950/BNN-KH 11/02/2020	Đề nghị giữ nguyên như Dự thảo Nghị định vì: Chương V của dự thảo Nghị định đã phân công trách nhiệm cho các Bộ, ngành và địa phương cụ thể
	<b>Điều 7</b>		
1	- Khoản 2 Điều 7: Đề nghị làm rõ nội hàm khái niệm 'Hạ tầng thông tin', nên sử dụng các thuật ngữ đã có quy định rõ ràng tại các văn bản quy phạm pháp luật đã ban hành	Bộ Thông tin và truyền thông 109/BTTTT- KHTC 10/01/2020	Đề nghị giữ nguyên như Dự thảo Nghị định vì: Luật Quy hoạch đã quy định rõ
2	- Khoản 2 Điều 7: Đề nghị nghiên cứu bổ sung cụ thể thành: Các lĩnh vực phối hợp chủ yếu trong đầu tư phát triển gồm: xử lý nước...; phát triển các khu công nghệ cao, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu du lịch quốc gia; xây dựng và phát triển các cơ sở nghiên cứu khoa học... trung tâm y tế vùng, cơ sở văn hóa, thể thao vùng.”.	Bộ Văn hóa Thể thao và du lịch 487/BVHTTDL- KHTC 10/02/2020	Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã tiếp thu và chỉnh sửa
3	- Khoản 2 Điều 7 về đầu tư phát triển, quy định trong đầu tư phát triển kết cấu giao thông vận tải gồm: 'xây dựng hệ thống giao thông liên kết vùng, đường cao tốc' là chưa đầy đủ, chưa cụ thể nên đề nghị bổ sung các công trình trong các lĩnh vực hàng, cảng biển, ... và như đã nêu trên, quy định này đề nghị không áp dụng cho các công trình do trung ương quản lý do phát sinh thủ tục, thời gian khi đầu tư. '- Quy định việc xây dựng các dự án xử lý ô nhiễm và bảo vệ môi trường phải phù hợp với quy hoạch của địa phương lân cận là không phù hợp do quy hoạch tỉnh không quy hoạch tới các dự án của địa phương lân cận	Bộ GTVT 1357/BGTVT- KHĐT 15/02/2020	Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã tiếp thu và chỉnh sửa

STT	NỘI DUNG GÓP Ý	CƠ QUAN GÓP Ý	TIẾP THU / GIẢI TRÌNH
4	- Điểm a Khoản 4 Điều 7, đề nghị cân nhắc cách thể hiện <i>Hội đồng Vùng thủ đô trình</i> cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định các dự án đầu tư công để đảm bảo phù hợp với các quy định pháp luật trong lĩnh vực này	Bộ Ngoại giao 168/BNG-LPQT 16/01/2020	Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã tiếp thu và chỉnh sửa
5	- Khoản 4 Điều 7, đề nghị bổ sung trình tự, thủ tục thẩm định phê duyệt chủ trương đầu tư, phê duyệt dự án đầu tư đối với các chương trình, dự án liên kết vùng, đồng thời quy định rõ việc phân cấp quản lý đầu tư đối với các chương trình, dự án đầu tư liên kết vùng	Bắc Ninh 45/KH- THQH 9/01/2020	Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã tiếp thu và chỉnh sửa
	<b>Điều 8</b>		
1	- Điều 8 về đào tạo và sử dụng lao động đề nghị sửa lại: 'Phối hợp trong việc đầu tư xây dựng phát triển các trường đại học, cao đẳng, trung cấp, các trường dạy nghề; nghiên cứu cơ chế chia sẻ nguồn lực dùng chung giữa các cơ sở đào tạo trong Vùng để nâng cao hiệu quả đầu tư phục vụ đào tạo nguồn nhân lực cho các địa phương trong vùng nhằm phát huy thế mạnh của mỗi trường, nâng cao trình độ tay nghề của người lao động'	Bộ Giáo dục và Đào tạo 119/BGD ĐT-KHTC 15/01/2020	Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã tiếp thu và chỉnh sửa
2	- Điều 8, đề nghị quy định cụ thể hơn về nội dung và cơ chế phối hợp trong lĩnh vực đào tạo và sử dụng lao động để có thể triển khai trên thực tế	Bộ Ngoại giao 168/BNG-LPQT 16/01/2020	Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã tiếp thu và chỉnh sửa
3	- Khoản 2 Điều 8 quy định 'Phối hợp trong sử dụng lao động, nhất là lao động di chuyển, lao động từ khu vực chuyển đổi mục đích sử dụng đất nông nghiệp, lao động trong các khu công nghiệp và định hướng'; đề nghị sửa cụm từ 'nhất là' thành 'đặc biệt chú trọng' và lược bỏ cụm từ 'lao động di chuyển', đồng thời thay thế bằng cụm từ khác để tránh việc gây hiểu nhầm	Hà Nam 49/SKHĐT- THQH 14/01/2020	Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã tiếp thu và chỉnh sửa
4	- Đề nghị sửa cụm từ 'cao đẳng, trung học chuyên nghiệp, các trường dạy nghề' thành 'cao đẳng, trung cấp' để phù hợp với Luật Giáo dục nghề nghiệp năm 2015	Bộ Tài chính 2018/BTC-NSNN 26/02/2020	Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã tiếp thu và chỉnh sửa

STT	NỘI DUNG GÓP Ý	CƠ QUAN GÓP Ý	TIẾP THU / GIẢI TRÌNH
5	- Dự thảo Nghị định quy định việc phối hợp trong việc xây dựng các trường đại học, cao đẳng, trung cấp để đào tạo nguồn nhân lực cho các địa phương; phối hợp trong việc sử dụng lao động, hỗ trợ giới thiệu việc làm, hợp tác bố trí lao động; tuy nhiên, chưa nêu rõ cách thức phối hợp, các nhiệm vụ cần triển khai thực hiện, cơ quan hướng dẫn, ban hành quy chế phối hợp. Vì vậy, đề nghị nghiên cứu lấy ý kiến Bộ GDĐT, LĐTBXH để bổ sung thêm các nội dung này	Bộ Tài chính 2018/BTC-NSNN 26/02/2020	Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã tiếp thu và chỉnh sửa
	<b>Điều 9</b>		
1	- Điều 9 phân công trách nhiệm các Bộ, ngành, địa phương xây dựng các cơ chế, chính sách. Điều này chưa phù hợp với các quy định tại Chương III về nội dung phối hợp. Vì vậy, đề nghị cân nhắc chuyển quy định tại Điều này về vị trí phù hợp trong dự thảo Nghị định	Bộ KH&CN 81/BKHCN-ĐP 14/01/2020	Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã tiếp thu và chỉnh sửa
2	- Điều 9, nội dung điều này mang tính chỉ đạo chung, không có quy định chính sách cụ thể do đó rất khó triển khai thực hiện trong thực tế, dự thảo Nghị định cần quy định giao cho các Bộ, ngành quy định chi tiết về cơ chế, chính sách cụ thể để bảo đảm phù hợp với quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật.	Bộ Tài Nguyên và môi trường 944/BTNMT-KHTC 28/02/2020	Đề nghị giữ nguyên như Dự thảo Nghị định vì: Chương V của dự thảo Nghị định đã phân công trách nhiệm cho các Bộ, ngành và địa phương cụ thể
3	- Điều 9 cần xác định trách nhiệm của các Bộ, ngành trong việc xây dựng cơ chế chính sách riêng cho Vùng thủ đô để hỗ trợ phát triển các ngành, đồng thời trách nhiệm của các địa phương trong Vùng khi xây dựng các cơ chế chính sách phát triển các lĩnh vực của từng địa phương phải lồng ghép các cơ chế chính sách góp phần đẩy mạnh phát triển lĩnh vực đó cho Vùng và các tỉnh lân cận	Bộ Nông nghiệp và PTNT 950/BNN-KH 11/02/2020	Đề nghị giữ nguyên như Dự thảo Nghị định vì: Chương V của dự thảo Nghị định đã phân công trách nhiệm cho các Bộ, ngành và địa phương cụ thể
4	- Khoản 1 Điều 9 đề nghị sửa cụm từ 'như các quy định về thuế, đầu tư, ngân sách nhà nước, lao động' thành 'các quy định pháp luật hiện hành'	Hà Nam 49/SKHĐT-THQH 14/01/2020	Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã tiếp thu và chỉnh sửa

STT	NỘI DUNG GÓP Ý	CƠ QUAN GÓP Ý	TIẾP THU / GIẢI TRÌNH
5	- Khoản 1 Điều 9: Theo quy định Quốc hội là cơ quan duy nhất quyết định về thuế và áp dụng chung, thống nhất với tất cả các thành phần kinh tế, các tổ chức, cá nhân, vì vậy, đối với các quy định về thuế thì các địa phương trong Vùng thủ đô và các địa phương khác đều phải thực hiện như nhau do đó đề nghị bỏ quy định ban hành cơ chế, chính sách về thuế tại Khoản 1 Điều 9	Bộ Tài chính 2018/BTC-NSNN 26/02/2020	Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã tiếp thu và chỉnh sửa
6	- Khoản 2 Điều 9: Đề nghị bổ sung cơ chế, chính sách thu hút đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao nhằm phát triển vùng thủ đô Hà Nội và vùng thủ đô trong quá trình thực hiện liên kết phối hợp Vùng	Bộ Thông tin và truyền thông 109/BTTTT- KHTC 10/01/2020	Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã tiếp thu và chỉnh sửa
7	- Điểm b Khoản 2 Điều 9 đề nghị nghiên cứu bổ sung cụ thể thành: Cơ chế tài chính hỗ trợ phát triển... sản phẩm công nghệ cao; cơ sở hạ tầng trong khu du lịch quốc gia; phát triển nông nghiệp công nghệ cao... trực tiếp sản xuất".	Bộ Văn hóa Thể thao và du lịch 487/BVHTTDL- KHTC 10/02/2020	Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã tiếp thu và chỉnh sửa
8	- Điểm c khoản 2 Điều 9 về hỗ trợ đào tạo nghề bậc cao, chính sách thu hút nhân tài: Đề nghị phối hợp với các Bộ, ngành liên quan đánh giá việc thực hiện các chính sách hỗ trợ đào tạo nghề bậc cao, chính sách thu hút nhân tài của các địa phương hiện nay để làm căn cứ đề xuất xây dựng, sửa đổi, ban hành quy định áp dụng chung cho các địa phương thuộc Vùng Thủ đô	Bộ Tài chính 2018/BTC-NSNN 26/02/2020	Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã tiếp thu và chỉnh sửa
	<b>Điều 10</b>		
1	- Khoản 1, Điều 10 đề nghị bổ sung thêm nội dung thông tin cần cung cấp là dữ liệu số về quy hoạch tỉnh, thành phố	Hà Nam 49/SKHĐT- THQH 14/01/2020	Đề nghị giữ nguyên như Dự thảo Nghị định vì: hiện nay mới bắt đầu xây dựng nhiệm vụ quy hoạch cho giai đoạn tới nên việc xây dựng dữ liệu số về quy hoạch tỉnh, thành phố không khả thi
	<b>Điều 11</b>		

STT	NỘI DUNG GÓP Ý	CƠ QUAN GÓP Ý	TIẾP THU / GIẢI TRÌNH
1	- Điều 11 đề cập đến các công trình hạ tầng kinh tế - xã hội trọng điểm thuộc các lĩnh vực thương mại, dịch vụ, văn hóa - thể thao, nông nghiệp, đây là các lĩnh vực không nằm trong 8 lĩnh vực phối hợp trọng tâm được quy định tại Điều 5, vì vậy đề nghị xem xét lại đảm bảo tính thống nhất các nội dung trong Dự thảo Nghị định	Bắc Ninh 45/KH-THQH 9/01/2020	Đề nghị giữ nguyên như Dự thảo Nghị định vì: Nhiệm vụ được Thủ tướng Chính phủ giao
2	- Khoản 1 Điều 11, đề nghị quy định rõ tiêu chí làm cơ sở pháp lý để xác định 'Công trình, dự án hạ tầng kinh tế - xã hội trọng điểm của Vùng'. Đồng thời, tại Khoản 2 'ban hành danh mục công trình, dự án hạ tầng kinh tế - xã hội trọng điểm của vùng trong từng thời kỳ', đề nghị cần quy định rõ thời gian của thời kỳ áp dụng là bao nhiêu năm	Bắc Ninh 45/KH-THQH 9/01/2020	Đề nghị giữ nguyên như Dự thảo Nghị định vì: Khoản 1: Cơ sở pháp lý quy định tại chính Nghị định này. Khoản 2: Thủ tướng Chính phủ sẽ giao chi tiết thời kỳ tính theo kế hoạch đầu tư công trung hạn
3	- Khoản 1 Điều 11 đề nghị sửa 'Các công trình hạ tầng kinh tế - xã hội trọng điểm của vùng là các công trình, dự án có vai trò tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội cho vùng và các tỉnh trong vùng' thành 'Các công trình hạ tầng kinh tế - xã hội trọng điểm của vùng là các công trình, dự án lớn có vai trò tạo động lực, sức lan tỏa và kết nối phát triển kinh tế - xã hội cho vùng và các tỉnh trong vùng'	Hà Nam 49/SKHĐT-THQH 14/01/2020	Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã tiếp thu và chỉnh sửa
4	Bổ sung các dự án mang tính kết nối tiêu thụ, lưu thông hàng hóa vào các công trình hạ tầng kinh tế - xã hội trọng điểm	Bộ Công thương 214/BCT-KH 9/01/2020	Đề nghị giữ nguyên như Dự thảo Nghị định vì: Tại Tờ trình đã giải thích rõ việc lựa chọn các lĩnh vực phối hợp trọng tâm
	<b>Điều 12</b>		
1	- Làm rõ hơn về cơ chế chính sách huy động nguồn vốn đầu tư cho phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật của hệ thống đô thị và nông thôn của các tỉnh trong Vùng thủ đô	Bộ Xây dựng 300/BXD-KTQH 21/01/2020	Đề nghị giữ nguyên như Dự thảo Nghị định vì: Tại Tờ trình đã giải thích rõ việc lựa chọn các chương trình, dự án trọng tâm, mang tính liên kết vùng



STT	NỘI DUNG GÓP Ý	CƠ QUAN GÓP Ý	TIẾP THU / GIẢI TRÌNH
2	- Đề nghị thống nhất sử dụng cụm từ 'vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài' thay cho cụm từ 'vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ' nhằm đảm bảo phù hợp với quy định của Nghị định số 16/2016/NĐ-CP ngày 16/3/2016 của Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài và Nghị định số 132/2018/NĐ-CP ngày 01/10/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 16/2016/NĐ-CP.	Bộ Ngoại giao 168/BNG-LPQT 16/01/2020	Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã tiếp thu và chỉnh sửa
3	- Đề nghị cân nhắc về góc độ kỹ thuật pháp lý liên quan đến quy định miễn tiền thuê đất đối với các dự án trọng điểm của Vùng thuộc lĩnh vực y tế, môi trường đầu tư từ nguồn vốn xã hội hóa do vấn đề miễn tiền thuê đất đang được quy định chủ yếu tại Luật Đất đai 2013, Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước và Nghị định số 135/2016/NĐ-CP ngày 9/9/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước với các nguyên tắc và trường hợp được miễn tiền thuê đất khác với dự thảo Nghị định	Bộ Ngoại giao 168/BNG-LPQT 16/01/2020	Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã tiếp thu và chỉnh sửa
4	- Khoản 6 Điều 12, đề nghị sửa đổi lại quy định về việc miễn tiền thuê đất như sau: "Việc miễn tiền thuê đất cho toàn bộ thời gian của dự án được thực hiện theo quy định tại Điều 110 của Luật Đất đai và các pháp luật khác có liên quan".	Bộ Tài Nguyên và môi trường 944/BTNMT-KHTC 28/02/2020	Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã tiếp thu và chỉnh sửa
5	- Khoản 6 Điều 12 sửa lại theo hướng: Việc miễn giảm tiền thuê đất đối với các công trình, dự án trọng điểm của vùng thuộc lĩnh vực y tế, môi trường đầu tư từ nguồn vốn xã hội hóa thực hiện theo quy định của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực y tế, môi trường	Bộ Tài chính 2018/BTC-NSNN 26/02/2020	Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã tiếp thu và chỉnh sửa

STT	NỘI DUNG GÓP Ý	CƠ QUAN GÓP Ý	TIẾP THU / GIẢI TRÌNH
6	- Khoản 3 Điều 12 đề nghị sửa thành 'Các tỉnh, thành phố có trách nhiệm bố trí ngân sách địa phương để triển khai thực hiện các công trình, dự án hạ tầng kinh tế - xã hội trọng điểm của vùng trên địa bàn địa phương quản lý. Trường hợp nhu cầu lớn, ảnh hưởng đến cân đối ngân sách địa phương, NSTW hỗ trợ các địa phương để thực hiện các công trình, dự án hạ tầng kinh tế - xã hội trọng điểm của vùng trên địa bàn', và tại Khoản 6, đề nghị rà soát, đối chiếu sự phù hợp với các quy định của pháp luật về đất đai đồng thời nghiên cứu bổ sung chính sách ưu tiên đối với các dự án đầu tư hệ thống cung cấp nước sạch	Bắc Ninh 45/KH-THQH 9/01/2020	Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã tiếp thu và chỉnh sửa
7	- Khoản 6 Điều 12: Đề nghị bổ sung thêm nội dung miễn tiền thuê đất cho toàn bộ thời gian của dự án đối với các công trình, dự án trọng điểm của vùng thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ	Phú Thọ	Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã tiếp thu và chỉnh sửa
8	Nghiên cứu, đề xuất chính sách có tính đột phá hơn trong việc ưu tiên, hoạt động nguồn vốn đầu tư	Bộ Công thương 214/BCT-KH 9/01/2020	Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã tiếp thu và chỉnh sửa
9	Bổ sung các quy định về cơ chế đặc thù trong phát triển hạ tầng kinh tế tại các địa bàn không thuộc địa bàn kinh tế xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn.	Bộ Công thương 214/BCT-KH 9/01/2020	Đề nghị giữ nguyên như Dự thảo Nghị định vì: Tại Tờ trình đã giải thích rõ việc lựa chọn các chương trình, dự án trọng tâm, mang tính liên kết vùng
10	Khoản 6 Điều 12, xem xét bổ sung các dự án thuộc lĩnh vực thương mại (trong đó có chợ ...) tại địa bàn kinh tế khó khăn, đặc biệt khó khăn	Bộ Công thương 214/BCT-KH 9/01/2020	Đề nghị giữ nguyên như Dự thảo Nghị định vì: Tại Tờ trình đã giải thích rõ việc lựa chọn các chương trình, dự án trọng tâm, mang tính liên kết vùng
11	Xem xét đề xuất theo hướng tăng tính chủ động của địa phương trong việc sử dụng ngân sách địa phương cho hoạt động đầu tư, hỗ trợ đầu tư các công trình, dự án hạ tầng kinh tế - xã hội trọng điểm và chỉ hỗ trợ đầu tư ngân sách trung ương cho các địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn	Bộ Công thương 214/BCT-KH 9/01/2020	Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã tiếp thu: Nguồn vốn chủ yếu vẫn là từ vốn NSĐP và vốn huy động hợp pháp khác
	<b>Điều 13</b>		

STT	NỘI DUNG GÓP Ý	CƠ QUAN GÓP Ý	TIẾP THU / GIẢI TRÌNH
1	- Đề nghị chỉnh lý đảm bảo thống nhất về tên gọi của Điều 13 'Tổ chức phối hợp Vùng thủ đô' và Chương V 'Tổ chức điều phối Vùng thủ đô'	Bộ Tư pháp 188/BTP- VĐCXDPL 16/01/2020	Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã tiếp thu và chỉnh sửa
2	- Về tổ chức phối hợp Vùng thủ đô: do đây không phải là Nghị định quy định về chức năng, nhiệm vụ do đó nên cần nhắc việc quy định về tổ chức. Trong trường hợp cần thiết, đề nghị làm rõ có đơn vị giúp việc, hỗ trợ Hội đồng Vùng thủ đô hay không, cần nhắc bổ sung quy định về cơ chế hoạt động của Hội đồng và đơn vị giúp việc (nếu có) là kiêm nhiệm, đảm bảo không làm phát sinh tổ chức, biên chế để thực hiện nhiệm vụ. Bên cạnh đó, hiện nay Ban chỉ đạo quy hoạch và đầu tư xây dựng Vùng thủ đô Hà Nội mà Bộ Xây dựng là cơ quan thường trực, vì vậy, cần làm rõ mối quan hệ giữa Hội đồng vùng thủ đô khi được thành lập và Ban chỉ đạo hiện có	Bộ Tư pháp 188/BTP- VĐCXDPL 16/01/2020	Đề nghị giữ nguyên như Dự thảo Nghị định vì: Bộ Kế hoạch và Đầu tư hiện đang được Thủ tướng Chính phủ giao nhiệm vụ xây dựng quy chế thực hiện Hội đồng vùng Kinh tế trọng điểm. Do vậy, việc đề xuất Hội đồng vùng Thủ đô là có căn cứ. Còn Bộ Xây dựng là cơ quan thường trực về quy hoạch vùng Thủ đô
3	- Điều 13 quy định Hội đồng vùng chỉ có chức năng tham mưu, đề xuất và giúp Thủ tướng Chính phủ điều phối, kiểm tra, giám sát việc thực hiện, trong khi đó Điều 4 quy định một số nhiệm vụ quyền hạn của Hội đồng Vùng thủ đô. Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, nghiên cứu để đảm bảo tính thống nhất của các quy định	Bộ Tư pháp 188/BTP- VĐCXDPL 16/01/2020	Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã tiếp thu và chỉnh sửa
4	- Điểm e Khoản 1 Điều 13 đề nghị cần nhắc cụm từ 'Cơ sở nghiên cứu khoa học cấp vùng' vì Luật Khoa học và công nghệ không quy định về thẩm quyền thành lập tổ chức khoa học và công nghệ cấp vùng	Bộ KH&CN 81/BKH&CN-ĐP 14/01/2020	Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã tiếp thu và chỉnh sửa
5	- Đề nghị đánh lại thứ tự các Điểm quy định tại Khoản 1, Điều 13 của Dự thảo Nghị định cho phù hợp về thứ tự bảng chữ cái tiếng Việt (theo quy định tại Điểm đ, Khoản 5, Điều 62, Nghị định 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật), sửa điểm 'e' thành điểm 'đ', điểm 'f' thành điểm 'e'	Bắc Ninh 45/KH- THQH 9/01/2020	Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã tiếp thu và chỉnh sửa

STT	NỘI DUNG GÓP Ý	CƠ QUAN GÓP Ý	TIẾP THU / GIẢI TRÌNH
6	- Đề nghị nghiên cứu, bổ sung quy định thành lập Cơ quan thường trực giúp việc Hội đồng Vùng thủ đô và quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy của cơ quan này	Bắc Ninh 45/KH-THQH 9/01/2020	Đề nghị giữ nguyên như Dự thảo Nghị định vì: Thủ tướng Chính phủ sẽ ban hành Quyết định thành lập Hội đồng vùng và quy chế hoạt động cụ thể
7	- Đề nghị nghiên cứu xem lại điểm f, Khoản 1 về Thường trực Hội đồng điều phối Vùng để tránh trùng lặp với điểm d, e của Khoản 1.	Bộ Văn hóa Thể thao và du lịch 487/BVHTTDL-KHTC 10/02/2020	Đề nghị giữ nguyên như Dự thảo Nghị định vì: Thực hiện tương tự Hội đồng vùng ĐBSCL
8	- Đề nghị nên xem xét chưa quy định về Hội đồng Vùng Thủ đô tại Nghị định này do việc thành lập Hội đồng Vùng này có thể được coi là thành lập tổ chức mới, chỉ được xem xét trong trường hợp đặc biệt, cần thiết theo quy định tại Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17/4/2015 của Bộ Chính trị về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, phải lập Đề án thành lập hội đồng này và xin ý kiến chỉ đạo của cấp có thẩm quyền. Hơn nữa, nội dung quy định về Hội đồng này chưa rõ về vị trí, vai trò của Hội đồng Vùng trong tổ chức Chính phủ, mối quan hệ, quy chế hoạt động của Hội đồng này với Ban Chỉ đạo Quy hoạch và Đầu tư xây dựng Vùng Thủ đô Hà Nội, cần thiết phải thuyết minh cụ thể, rõ ràng thuyết phục hơn	Bộ Công an 253/BCA-V03 22/01/2020	Đề nghị giữ nguyên như Dự thảo Nghị định vì: Thực hiện tương tự Hội đồng vùng ĐBSCL và theo chế độ kiêm nhiệm, không phát sinh biên chế
9	- Hội đồng Vùng quy định cơ cấu của Hội đồng gồm: Chủ tịch Hội đồng, 01 phó chủ tịch thường trực, 02 phó chủ tịch, 01 ủy viên thường trực. Với cơ cấu như vậy, khi cần lấy ý kiến của Hội đồng vùng và các Ủy viên, cơ cấu Hội đồng Vùng do Chủ tịch Hội đồng vùng xem xét quyết định phục vụ cho việc chỉ đạo trong từng thời kỳ. Ngoài ra, Hội đồng Vùng không có cơ quan thường trực, với các nội dung cần xin ý kiến của Hội đồng sẽ không có cơ quan tham mưu xử lý, làm chậm tiến độ triển khai các quy hoạch, dự án, ... đề nghị nghiên cứu điều chỉnh	Bộ GTVT 1357/BGTVT-KHĐT 15/02/2020	Đề nghị giữ nguyên như Dự thảo Nghị định vì: Có cơ quan thường trực.
	<b>Điều 17</b>		

STT	NỘI DUNG GÓP Ý	CƠ QUAN GÓP Ý	TIẾP THU / GIẢI TRÌNH
1	<p>- Khoản 1 Điều 17 quy định về trách nhiệm của Bộ Xây dựng: "Xây dựng kế hoạch, chương trình, danh mục dự án đầu tư xây dựng quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại; áp dụng các công nghệ xử lý chất thải rắn, chất thải nguy hại, triển khai một số dự án đầu tư xây dựng khu xử lý chất thải rắn có tính chất liên vùng" là không phù hợp với quy định của pháp luật bảo vệ môi trường hiện hành đối với việc quản lý chất thải.</p> <p>'- Nghị quyết phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 01 năm 2019- Nghị quyết số 09/NQ-CP ngày 03 tháng 02 năm 2019 quy định "Chính phủ thống nhất: Giao Bộ Tài nguyên và Môi trường là cơ quan đầu mối, thống nhất quản lý nhà nước về chất thải rắn; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chịu trách nhiệm toàn diện về vấn đề rác thải và xử lý rác thải trên địa bàn". Do vậy, nên bỏ quy định tại Khoản 1 Điều 17 và bổ sung điều khoản quy định về trách nhiệm của Bộ Tài nguyên và Môi trường.</p>	Bộ Tài Nguyên và môi trường 944/BTNMT-KHTC 28/02/2020	Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã tiếp thu và chỉnh sửa
	<b>Điều 20</b>		
1	- Để tránh gánh nặng hành chính cho các Bộ, ngành, địa phương, đề nghị cân nhắc khả năng lồng ghép nội dung về phối hợp thực hiện Luật thủ đô vào các báo cáo hiện có, đồng thời chỉ nên yêu cầu các Bộ, ngành được giao thực hiện nhiệm vụ cụ thể báo cáo về kết quả thực hiện các nhiệm vụ này	Bộ Ngoại giao 168/BNG-LPQT 16/01/2020	Đề nghị giữ nguyên như Dự thảo Nghị định vì: Nhiệm vụ được Thủ tướng Chính phủ giao
	<b>Chương III</b>		
1	- Các nội dung phối hợp còn chung chung, nhiều quy định mang tính nguyên tắc, để đảm bảo tính khả thi trong việc thực hiện sau khi được ban hành, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, quy định cụ thể hơn các nội dung phối hợp	Bộ Tư pháp 188/BTP-VĐCXDPL 16/01/2020	Đề nghị giữ nguyên như Dự thảo Nghị định vì: Tại Tờ trình đã giải thích rõ việc lựa chọn các lĩnh vực phối hợp trọng tâm
2	- Nội dung phối hợp chưa đầy đủ theo lĩnh vực phối hợp trọng tâm, trong đó thiếu nội dung phối hợp trong các lĩnh vực đang gặp nhiều vướng mắc, ảnh hưởng đến các lĩnh vực khác và sự phát triển nói chung như lĩnh vực quản lý dân cư, phát triển nhà ở, quản lý hệ thống giao thông vận tải...; cần rà soát, bổ sung cho đầy đủ để có căn cứ, cơ sở thực hiện	Bộ Công an 253/BCA-V03 22/01/2020	Đề nghị giữ nguyên như Dự thảo Nghị định vì: Tại Tờ trình đã giải thích rõ việc lựa chọn các lĩnh vực phối hợp trọng tâm

STT	NỘI DUNG GÓP Ý	CƠ QUAN GÓP Ý	TIẾP THU / GIẢI TRÌNH
3	- Nghiên cứu gộp chương II, III, IV thành một chương về cơ chế phối hợp giữa các tỉnh, thành phố trong Vùng Thủ đô bao gồm quy định về nguyên tắc phối hợp, lĩnh vực phối hợp, lĩnh vực phối hợp trọng tâm, hình thức phối hợp, nội dung phối hợp, tổ chức phối hợp.	Bộ Công an 253/BCA-V03 22/01/2020	Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã tiếp thu và chỉnh sửa một phần
4	Chương III, IV: Đề nghị rà soát các văn bản pháp luật có liên quan, đảm bảo phù hợp với các quy định hiện hành, nhằm tránh trùng lặp các nội dung đã quy định tại Nghị định 263/2017/NĐ-CP ngày 19/5/2017 quy định một số cơ chế chính sách tài chính ngân sách đặc thù với Thủ đô Hà Nội. Đồng thời, hoàn thiện báo cáo đánh giá tác động của chính sách trong dự thảo Nghị định, bảo đảm nội dung đánh giá tác động của từng chính sách trong đề nghị xây dựng dự thảo nghị định	Bộ Nội vụ 2863/BNV-QCĐP 10/6/2020	Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã tiếp thu và chỉnh sửa
	<b>Chương IV</b>		
1	- Các nội dung quy định chính sách ưu tiên đầu tư các công trình hạ tầng kinh tế, xã hội trọng điểm của Vùng Thủ đô là những chính sách mới, phát sinh trong quá trình soạn thảo so với nhiệm vụ được giao tại Khoản 1 Điều 23 Luật Thủ đô, vì vậy, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo thực hiện việc đánh giá tác động của chính sách theo quy định tại Khoản 1 Điều 25 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật	Bộ Tư pháp 188/BTP-VĐCXDPL 16/01/2020	Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã tiếp thu và chỉnh sửa
2	- Đề nghị xem lại nội dung tiêu đề vì theo Luật Xây dựng có quy định Hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật và Hệ thống công trình hạ tầng xã hội, không có công trình Hạ tầng kinh tế - xã hội như trong Dự thảo	Phú Thọ	Đề nghị giữ nguyên như Dự thảo Nghị định vì: Nhiệm vụ được Thủ tướng Chính phủ giao
3	- Khoản 1 Điều 1: Cân nhắc bỏ các quy định này do Khoản 3 Điều 4 Luật Thủ đô quy định Nhà nước ưu tiên đầu tư để phát huy thế mạnh, nhằm xây dựng, phát triển Vùng Thủ đô nhưng không giao Chính phủ quy định chi tiết; mặt khác, tại Quyết định số 768/QĐ-TTg ngày 6/5/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch xây dựng Vùng Thủ đô đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050 đã có định hướng phát triển, danh mục dự án ưu tiên	Bộ Công an 253/BCA-V03 22/01/2020	Đề nghị giữ nguyên như Dự thảo Nghị định vì: Khoản 1 Điều 1 đề cập tới phạm vi áp dụng cho các địa phương trong vùng Thủ đô, trong đó có bổ sung theo quy định của Luật Thủ đô
	<b>Chương V</b>		

STT	NỘI DUNG GÓP Ý	CƠ QUAN GÓP Ý	TIẾP THU / GIẢI TRÌNH
1	<p>Đề nghị bỏ các nội dung quy định về tổ chức điều phối vùng trong dự thảo Nghị định để bảo đảm phù hợp với quy định tại Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17/4/2015 của Bộ Chính trị; Nghị quyết số 56/2017/QH14 ngày 24/11/2017 của Quốc hội về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Cụ thể không quy định tổ chức bộ máy trong Nghị định không thuộc chuyên ngành tổ chức bộ máy (trường hợp cần thiết phải thành lập thì thực hiện theo quy định tại Quyết định số 34/2007/QĐ-TTg ngày 12/3/2007 của Thủ tướng Chính phủ về quy chế thành lập, tổ chức và hoạt động của tổ chức phối hợp liên ngành)</p>	<p>Bộ Nội vụ 2863/BNV-QCĐP 10/6/2020</p>	<p>Đề nghị giữ nguyên như Dự thảo Nghị định vì: Thực hiện tương tự Hội đồng vùng ĐBSCL và theo chế độ kiêm nhiệm, không phát sinh biên chế</p>
	<p><b>Chương VI</b></p>		
1	<p>Rà soát lại nhiệm vụ của các Bộ, ngành có liên quan trong dự thảo Nghị định cho phù hợp, đảm bảo không trùng lặp với các nhiệm vụ, quyền hạn</p>	<p>Bộ Nội vụ 2863/BNV-QCĐP 10/6/2020</p>	<p>Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã tiếp thu và chỉnh sửa</p>
	<p><b>Các ý kiến khác</b></p>		
1	<p>Dự thảo quy định 5 nội dung phối hợp và 8 lĩnh vực trọng tâm phối hợp nhưng chưa thấy được sự liên kết các nội dung này với nhau. Đề nghị rà soát, nghiên cứu để chỉnh lý những nội dung này, đảm bảo tính khả thi, phù hợp với quy định của Luật Thủ đô và các văn bản quy phạm pháp luật liên quan</p>	<p>Bộ Tư pháp 188/BTP-VĐCXDPL 16/01/2020</p>	<p>Đề nghị giữ nguyên như Dự thảo Nghị định vì: các địa phương sẽ phối hợp trong từng lĩnh vực.</p>
2	<p>Dự thảo quy định 8 lĩnh vực trọng tâm phối hợp để thi hành pháp luật về thủ đô, đề nghị rà soát các văn bản QPPL là căn cứ để ban hành Nghị định này và đưa vào phần căn cứ pháp lý ban hành</p>	<p>Bộ Tư pháp 188/BTP-VĐCXDPL 16/01/2020</p>	<p>Đề nghị giữ nguyên như Dự thảo Nghị định vì: Tờ trình đã giải thích rõ, trong đó có căn cứ theo Luật Thủ đô và căn cứ pháp lý áp dụng được cho vùng Thủ đô</p>
3	<p>Về thể thức trình bày văn bản, đề nghị rà soát chỉnh lý dự thảo Tờ trình và Nghị định theo đúng thể thức, kỹ thuật được quy định tại Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ. Ngoài ra, đề nghị rà soát một số lỗi chính tả, chữ in hoa để đảm bảo thống nhất, phù hợp với quy định, ví dụ như Vùng Thủ đô'..</p>	<p>Bộ Tư pháp 188/BTP-VĐCXDPL 16/01/2020</p>	<p>Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã tiếp thu và chỉnh sửa</p>

STT	NỘI DUNG GÓP Ý	CƠ QUAN GÓP Ý	TIẾP THU / GIẢI TRÌNH
4	Hồ sơ chưa có báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến đóng góp; một số nội dung cần rà soát để đảm bảo thống nhất giữa dự thảo Tờ trình và dự thảo Nghị định	Bộ Quốc Phòng 106/BQP-PC 10/01/2020	Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã tiếp thu và chỉnh sửa
5	Bổ sung Quyết định số 1659/QĐ-TTg ngày 7/11/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt 'Chương trình phát triển đô thị quốc gia giai đoạn 2012-2020 và Quyết định số 84/QĐ-TTg ngày 19/01/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt 'Kế hoạch phát triển đô thị tăng trưởng xanh Việt Nam đến năm 2030' liên quan đến quy hoạch phát triển hệ thống đô thị của các tỉnh, thành phố trong Vùng thủ đô	Bộ Xây dựng 300/BXD-KTQH 21/01/2020	Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã tiếp thu và bổ sung
6	Bổ sung và lồng ghép các định hướng, chiến lược phát triển hệ thống hạ tầng đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt: Định hướng phát triển cấp nước, thoát nước đô thị và khu công nghiệp đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2050, Chiến lược quốc gia về quản lý tổng hợp chất thải rắn đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2050, Chương trình quốc gia chống thất thoát, thất thu nước sạch đến năm 2025	Bộ Xây dựng 300/BXD-KTQH 21/01/2020	Đề nghị giữ nguyên như Dự thảo Nghị định vì: Tại Tờ trình đã giải thích rõ việc lựa chọn các lĩnh vực phối hợp trọng tâm